

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM  
KHOA QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI  
-----

# ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Ngành : QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN  
Chuyên ngành : QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN  
Mã số : 7 85 01 18 (Thí điểm)  
Cơ sở đào tạo : Học viện Nông nghiệp Việt Nam  
Trình độ đào tạo : Đại học

HÀ NỘI - 2019

# MỤC LỤC

Mục lục.....	i
Danh mục bảng.....	ii
<b>PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN .....</b>	<b>1</b>
1.1. Sự cần thiết mở chương trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản .....	1
1.2. Căn cứ pháp lý cho phép mở chương trình .....	1
1.3. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực ngành Quản lý Bất động sản .....	2
<b>Phần 2. NĂNG LỰC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHOA QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM.....</b>	<b>4</b>
2.1. Giới thiệu về Khoa Quản lý đất đai.....	4
2.2. Kết quả đào tạo trình độ đại học, cao đẳng của khoa Quản lý đất đai .....	4
2.2.1. Đào tạo đại học, cao đẳng .....	4
2.2.2. Đào tạo sau đại học.....	6
2.3. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu đề nghị mở ngành.....	7
2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	9
2.4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học .....	9
2.4.2. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học .....	9
2.5. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.....	10
2.5.1. Phòng học, giảng đường phục vụ giảng dạy .....	10
2.5.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành .....	10
2.5.3. Thư viện, giáo trình, sách.....	11
<b>Phần 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN.....</b>	<b>13</b>
3.1. Tình hình đào tạo trên thế giới về ngành quản lý bất động sản .....	13
3.2. Tình hình đào tạo tại Việt Nam về quản lý bất động sản .....	13
<b>3.3. Tóm tắt chương trình đào tạo ngành Quản lý Bất động sản .....</b>	<b>14</b>
3.3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo .....	14
3.3.2. Nội dung chương trình đào tạo.....	17
3.4. Đối tượng và điều kiện tuyển sinh .....	29
3.4.1. Đối tượng tuyển sinh .....	29
3.4.2. Phương thức tuyển sinh.....	29
3.4.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh .....	29
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>30</b>

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Kết quả đào tạo khoa Quản lý đất đai .....	5
Bảng 2. Thống kê số lượng sinh viên đã tốt nghiệp 5 năm gần đây khoa Quản lý đất đai .....	5
Bảng 3. Các chuyên ngành đào tạo sau đại học tại khoa Quản lý đất đai .....	6
Bảng 4. Số lượng giảng viên cơ hữu tại khoa Quản lý đất đai.....	7
Bảng 5. Danh sách giảng viên cơ hữu đề nghị mở ngành Quản lý Bất động sản .....	8
Bảng 6. Thống kê ngành đào tạo về Quản lý bất động sản trên thế giới.....	13
Bảng 7. Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành/chuyên ngành Quản lý bất động sản.....	14
Bảng 8. Chương trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản.....	18
Bảng 9. Tiến trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản .....	23

# **PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN**

## **1.1. SỰ CẦN THIẾT MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN**

Cùng với nhu cầu phát triển của xã hội, đất và bất động sản luôn được coi là yếu tố tiền đề đối với việc phát triển sản xuất kinh doanh, thu hút đầu tư cũng như phát huy tiềm năng vị trí và nội lực vốn có của mỗi địa phương, khu vực. Nhà nước và xã hội cũng luôn đặt ra yêu cầu Quản lý đất đai và bất động sản sao cho pháp huy được vai trò sẵn có của cơ quan Nhà nước và thế mạnh của các tổ chức, đơn vị dịch vụ công, đơn vị môi giới và cung cấp các dịch vụ về bất động sản. Quản lý bất động sản là một lĩnh vực quan trọng trong quản lý đất đai và kinh doanh bất động sản, đóng vai trò then chốt trong sự phát triển của thị trường. Trên thực tế, ngành quản lý bất động sản ở Việt Nam chỉ mới được hình thành trong thời gian gần đây khi Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản sửa đổi và các văn bản hướng dẫn được ban hành. Khi Việt Nam gia nhập WTO, các công ty quản lý bất động sản lớn trên thế giới bắt đầu có mặt và hoạt động mạnh tại thị trường Việt Nam.

Trong bối cảnh thị trường bất động sản tại Việt Nam đang tăng trưởng nhanh chóng và đang có nhu cầu thu hút rất lớn nguồn nhân lực, đặc biệt là lực lượng lao động đã qua đào tạo đáp ứng các yêu cầu hoạt động kinh doanh bất động sản thì đào tạo chuyên ngành quản lý bất động sản là việc hết sức cần thiết đáp ứng nhu cầu về nhân lực của xã hội. Tại Việt Nam, quản lý bất động sản đã bắt đầu được quan tâm và chú trọng theo hướng chuyên nghiệp. Nhiều đơn vị quản lý bất động sản chuyên nghiệp đã thành lập nhưng nguồn nhân lực cung cấp cho vẫn thiếu về số lượng và còn hạn chế về chất lượng. Có thể thấy nhu cầu nguồn nhân lực trình độ đại học ngành Quản lý bất động sản là rất lớn, số cơ sở đào tạo trình độ đại học ngành này chưa có nhiều và mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu thực tế.

## **1.2. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO PHÉP MỞ CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản được xây dựng dựa trên các căn cứ sau:

- Luật Giáo dục Đại học và Nghị định số 41/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 và thông tư 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế Đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

- Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17-02-2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16-4-2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học.

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Quyết định số 4298/QĐ-HVN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam quy định về việc mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo;

- Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

- Tham khảo chương trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản của trường Đại học University of Architecture Civil Engineering and Geodesy (Bulgari), Feng Chia University (Đài Loan) và Viện công nghệ Imperia, Malaysia.

- Nghiên cứu yêu cầu nhân lực trong phát triển kinh tế xã hội của ngành quản lý đất đai, bất động sản, quản lý bất động sản.

### **1.3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT, PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ NHU CẦU VỀ NGUỒN NHÂN LỰC NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN**

Khoa Quản lý đất đai đã thực hiện khảo sát, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực về ngành Quản lý bất động sản với sự tham gia của các giảng viên, các nhà khoa học, cán bộ quản lý, các nhà tuyển dụng, đại diện doanh nghiệp có liên quan đến ngành Quản lý bất động sản, ngành Quản lý đất đai.

Kết quả khảo sát 32 nhà tuyển dụng, 17 nhà khoa học và 32 cựu sinh viên có chuyên môn ngành bất động sản cho thấy nhu cầu về nhân lực ngành Quản lý bất động sản là cần thiết. Nhà tuyển dụng đã tuyển dụng nhân sự có chuyên môn về Quản lý bất động sản và liên quan đến kiến thức về Quản lý bất động sản chiếm 96,3%, trong đó 86,4% tuyển dụng từ trình độ đại học trở lên. 90,12% cơ quan, doanh nghiệp được phỏng vấn có tuyển dụng chuyên ngành bất động sản trong 5 năm gần đây. 96,3% cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng cán bộ chuyên ngành quản lý bất động sản trong 10 năm tới. 100% ý kiến cho rằng nhu cầu nhân lực có chuyên môn về Quản lý Bất động sẽ tăng trong thời gian tới (Phụ lục 1)

Kết quả đánh giá của 18 giảng viên hiện đang giảng dạy tại các trường đại học, 16 nhà khoa học, 19 nhà tuyển dụng và 19 cựu sinh viên về đánh giá chất lượng chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản lý bất động sản cho thấy: 81,9%-98,6% cho rằng các chuẩn đầu ra đề cần thiết và rất cần thiết. Về chất lượng các chuẩn đầu ra 100% ý kiến cho rằng chất lượng đạt mức trung bình trở lên. Trong đó: (68,1%-81,9%) ý kiến nhận xét chuẩn đầu ra có chất lượng về kiến thức đạt mức cao và rất cao; 77,7%-81,9% ý kiến nhận xét chuẩn đầu ra có chất lượng về kỹ năng đạt mức cao và rất cao và trên 83% ý kiến nhận xét chuẩn đầu ra có chất lượng về năng lực tự chủ đạt mức cao và rất cao. (Phụ lục 2)

Do đó, Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam xây dựng đề án đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý Bất động sản, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của đất nước là việc làm cần thiết. Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, Khoa Quản lý đất đai soạn thảo chương trình đào tạo bậc đại học ngành Quản lý Bất động sản và xin đăng ký mở thí điểm ngành đào tạo Quản lý Bất động sản, mã số 7.85.01.18.

Khoa Quản lý đất đai là đơn vị có bề dày đào tạo và nghiên cứu khoa học từ năm 1976 đến nay, có đội ngũ giảng viên cơ hữu có trình độ và năng lực, cơ sở vật chất sẵn sàng đáp ứng yêu cầu dạy, học và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, khoa Quản lý đất đai cùng với các đơn vị khác trong Học viện Nông nghiệp Việt Nam với đội ngũ giáo viên có trình độ cao có thể đáp ứng hoàn toàn việc đào tạo ngành Quản lý Bất động sản.

## **PHẦN 2. NĂNG LỰC CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHOA QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

### **2.1. GIỚI THIỆU VỀ KHOA QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

Tên Khoa	<b>Khoa Quản lý đất đai</b>
Tên giao dịch tiếng Anh	<b>Faculty of Land Management</b>
Địa chỉ	Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
Số điện thoại	024 38765588
Website	<a href="http://qldd.vnua.edu.vn">http://qldd.vnua.edu.vn</a>
E-mail	qldd@vnua.edu.vn
Năm thành lập	Khoa Quản lý đất đai, tiền thân là khoa Quản lý Ruộng đất, thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam được thành lập theo Quyết định số: 192NN/TC ngày 19 tháng 11 năm 1976 của Bộ Nông nghiệp.
Người đại diện	PGS.TS. Cao Việt Hà
Chức vụ	Trưởng khoa

Khoa Quản lý đất đai tiền thân là khoa Quản lý Ruộng đất thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 192NN/TC ngày 19 tháng 11 năm 1976 của Bộ Nông nghiệp.

Nhiệm vụ chủ yếu của Khoa hiện nay là đào tạo kỹ sư phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tài nguyên Môi trường thuộc các ngành Quản lý đất đai, Khoa học đất, Kỹ thuật tài nguyên nước, Quản lý tài nguyên và môi trường, Phân bón và dinh dưỡng cây trồng. Nghiên cứu và chuyển giao các dự án khoa học công nghệ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển nông nghiệp nông thôn, đo đạc thành lập bản đồ, xây dựng bản đồ đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, đánh giá tiềm năng đất đai, bảo vệ chống thoái hóa đất và nước, nghiên cứu yêu cầu nước, phân bón cho cây trồng, quản lý điều hành trạm bơm, nghiên cứu về xử lý nước thải, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến môi trường đất và nước.

### **2.2. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CỦA KHOA QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI**

#### **2.2.1. Đào tạo đại học, cao đẳng**

Khoa Quản lý đất đai đang được Học viện Nông nghiệp Việt Nam giao đào tạo sinh viên các ngành: Khoa học đất, Quản lý đất đai, Kỹ thuật tài nguyên nước, Quản lý tài nguyên và môi trường, Phân bón và dinh dưỡng cây trồng.

**Bảng 1. Kết quả đào tạo khoa Quản lý đất đai**

<b>TT</b>	<b>Tên ngành, chuyên ngành</b>	<b>Năm bắt đầu đào tạo</b>	<b>Kết quả đào tạo đến năm 2019 (SV tốt nghiệp)</b>
1	Khoa học đất	1963	1.800
2	Quản lý đất đai	1976	10.000
3	Kỹ thuật Tài nguyên nước	2016	
4	Quản lý Tài nguyên và môi trường	2019	
5	Phân bón và dinh dưỡng cây trồng	2019	
	<b>Tổng số</b>		<b>11.800</b>

Từ năm 1963 đến nay, Khoa đã và đang đào tạo 63 khóa sinh viên chính quy; 27 khóa sinh viên vừa làm vừa học tại Học viện và tại nhiều địa phương.

Hiện tại Khoa đang đào tạo 5 ngành ở bậc đại học: Quản lý đất đai, Khoa học đất, Kỹ thuật tài nguyên nước, Quản lý Tài nguyên và môi trường, Phân bón và dinh dưỡng cây trồng. Trước năm 2008, đào tạo theo niên chế, sinh viên được học 43 môn học với 210 đơn vị học trình. Từ 2008 đến 2013, đào tạo theo học chế tín chỉ, Khoa đã triển khai xây dựng 84 học phần bắt buộc và tự chọn, sinh viên phải học 140-142 tín chỉ (trong đó có 14 tín chỉ tự chọn) cho sinh viên các khóa 53, 54, 55, 56, 57. Từ năm 2013, chương trình đào tạo cho sinh viên khóa 58 trở đi được rút gọn còn 120 tín chỉ (trong 98 học phần), trong đó có 10 % tín chỉ tự chọn. Từ năm 2017, chương trình đào tạo cho sinh viên từ khóa 62 là 130 tín chỉ, trong đó 14 tín chỉ tự chọn. Từ năm 2019, chương trình đào tạo cho sinh viên từ khóa 64 là 131 tín chỉ do tăng 01 tín chỉ khối kiến thức Mác Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ năm 2010 trở về trước, Học viện và Khoa tuyển 400-450 sinh viên mỗi năm. Từ năm 2011 đến năm 2016, bình quân mỗi năm có trên 500 sinh viên đăng ký theo học các chuyên ngành do khoa đào tạo. Từ năm 2017 đến nay, số lượng sinh viên học giảm xuống, bình quân mỗi năm khoa tuyển sinh được 150 sinh viên.

**Bảng 2. Thống kê số lượng sinh viên đã tốt nghiệp 5 năm gần đây khoa Quản lý đất đai**

<b>TT</b>	<b>Ngành đào tạo</b>	<b>2014-2015</b>	<b>2015-2016</b>	<b>2016-2017</b>	<b>2017-2018</b>	<b>2018-2019</b>	<b>Tổng số</b>
1	Quản lý đất đai	581	434	480	434	722	2651
	Trong đó hệ cao đẳng	84	106	80	40	39	349
2	Khoa học đất	50	69	150	60	95	424



### 2.2.2. Đào tạo sau đại học

Từ năm 1992, hoạt động đào tạo thạc sĩ ở Việt Nam chính thức được bắt đầu. Khoa Quản lý đất đai với tiền thân là khoa Quản lý Ruộng đất cũng là cơ sở được giao đào tạo cao học đầu tiên tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 2819/QĐ-SĐH ngày 4/11/1991. Đến nay, Khoa Quản lý đất đai đã thực hiện đào tạo Thạc sĩ với 3 chuyên ngành: Khoa học đất, Quản lý đất đai, Kỹ thuật tài nguyên nước. Qua 24 năm đào tạo, đã có nhiều học viên được đào tạo và bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, trong đó số lượng học viên tốt nghiệp ngành Quản lý đất đai chiếm trên 70% tổng số học viên.

Bên cạnh việc đào tạo Thạc sĩ, với bề dày truyền thống, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, khoa Quản lý đất đai cũng đã đào tạo tiến sĩ với các chuyên ngành: Đất và dinh dưỡng cây trồng, Tưới tiêu nước cho cây trồng, Quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp, Quản lý đất đai. Đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý đất đai bắt đầu được thực hiện năm 2005 với mã số 62 85 01 03 với tên ngành Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp. Đến năm 2012, tên ngành đào tạo được đổi thành ngành Quản lý đất đai, mã số 8 85 01 03. Từ năm 1978 (năm đầu tiên được đào tạo nghiên cứu sinh trong nước) đến nay, đã có nhiều nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ. Chỉ riêng, chuyên ngành Quản lý đất đai và Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, đã có 85 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ.

**Bảng 3. Các chuyên ngành đào tạo sau đại học tại khoa Quản lý đất đai**

TT	Chuyên ngành đào tạo hiện tại		Danh mục giáo dục đào tạo theo TT 24/2017	
	Tên chuyên ngành	Số, ngày QĐ chuyển đổi mã	Mã số	Tên gọi
<b>Đào tạo thạc sĩ</b>				
1	Khoa học đất	7177/QĐ-BGDĐT; 15/12/2005	8 62 01 03	Khoa học đất
2	Tưới tiêu nước cho cây trồng	7177/QĐ-BGDĐT; 15/12/2005	8 58 02 12	Kỹ thuật tài nguyên nước
3	Quản lý đất đai	1668/GD-ĐT; 21/05/1997	8 85 01 03	Quản lý đất đai
<b>Đào tạo tiến sĩ</b>				
4	Đất và dinh dưỡng cây trồng	7177/QĐ-BGDĐT; 15/12/2005	9 62 01 03	Khoa học đất
5	Tưới tiêu nước cho cây trồng	7177/QĐ-BGDĐT; 15/12/2005	9 58 02 12	Kỹ thuật tài nguyên nước
6	Quy hoạch và sử dụng đất nông nghiệp	7177/QĐ-BGDĐT; 15/12/2005	9 85 01 03	Quản lý đất đai
7	Quản lý đất đai	4433/QĐ-BGDĐT; 17/10/2012	9 85 01 03	Quản lý đất đai

### 2.3. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ CƠ HỮU ĐỀ NGHỊ MỞ NGÀNH

Đội ngũ cán bộ, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, giữ vai trò đảm bảo cho việc dạy và học tại trường Đại học. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ đóng vai trò quyết định cho sự sống còn và phát triển của một ngành học, của một Khoa, của một trường Đại học. Nhận thức được tầm quan trọng đó, trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Khoa Quản lý đất đai đã lấy việc xây dựng đội ngũ làm trung tâm. Trong hơn 40 năm qua, Khoa Quản lý đất đai đã từng bước xây dựng và bồi dưỡng được một đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, kỹ thuật viên, nhân viên có đủ trình độ, năng lực công tác, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo qua từng giai đoạn phát triển của Khoa và Học viện.

Giảng viên sẽ tham gia giảng dạy cho chương trình ngành Quản lý Bất động sản là giảng viên của Khoa Quản lý đất đai, khoa Kinh tế và PTNT, khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh. Đội ngũ cán bộ của Khoa Quản lý đất đai tính đến tháng 6/2019 có 57 người. Trong đó có 01 GS; 13 PGS.TS; 14 tiến sĩ; 23 thạc sĩ còn lại 6 cán bộ có trình độ kỹ sư. 100% cán bộ giảng dạy có trình độ sau đại học (Bảng 4).

**Bảng 4. Số lượng giảng viên cơ hữu tại khoa Quản lý đất đai**

TT	Ngành được đào tạo	GS	PGS.TS	Tiến sĩ	Thạc sĩ
1	Môi trường			2	
2	Quản lý Tài nguyên thiên nhiên			2	3
3	Quản lý đất đai		8	7	13
4	Khoa học đất	1	4	1	5
5	Kỹ thuật tài nguyên nước		1	2	2

Đối chiếu với thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 6 tháng 09 năm 2017 Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng; Sau khi xem xét theo điều 2 của thông tư về điều kiện được mở ngành đào tạo, Khoa Quản lý đất đai xin được cung cấp các thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu gồm 10 cán bộ đầy đủ về số lượng và chất lượng để đăng ký mở ngành Quản lý bất động sản với 3 PGS.TS, 4 TS trong đó 3 TS ngành Quản lý đất đai, 1 TS ngành Quản lý đô thị, và 3 ThS ngành Quản lý đất đai. (Bảng 5).

**Bảng 5. Danh sách giảng viên cơ hữu đề nghị mở ngành Quản lý Bất động sản**

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Chức danh khoa học, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>
1	Phan Thanh Huyền	1977	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2012	Quản lý đất đai
2	Nguyễn Văn Quân	1972		TS, Việt Nam 2013	Quản lý đất đai
3	Phạm Phương Nam	1966		TS, Bungaria, 1995	Quản lý đất đai
4	Đỗ Thị Đức Hạnh	1973		TS, Việt Nam, 2012	Quản lý đất đai
5	Quyên Thị Lan Phương	1980		TS, Nhật Bản, 2015	Quản lý đô thị
6	Hồ Thị Lam Trà	1964	PGS, 2007	TS, Nhật, 2003	Hóa nông nghiệp
7	Bùi Nguyên Hạnh	1986		ThS, Việt Nam, 2015	Quản lý đất đai
8	Nguyễn Thị Thu Hương	1981		ThS, Việt Nam, 2010	Quản lý đất đai
9	Trần Quốc Vinh	1972	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2012	Quản lý đất đai
10	ThS. Ngô Thị Hà	1987		ThS, Việt Nam	Quản lý đất đai

Hiện tại, đội ngũ giảng viên đã và đang đào tạo sau đại học hệ Thạc sĩ và Tiến sĩ các chuyên ngành Quản lý đất đai, Khoa học đất và Kỹ thuật Tài nguyên nước.

Trong số cán bộ giảng dạy hiện có ở Khoa gần 70% giảng viên được đào tạo chính quy ở các nước tiên tiến trên thế giới như Nhật, Nga, Bỉ, Thái lan, Đức, Đài Loan, Phillipin... Ngoài ra, Khoa và Học viện còn có đội ngũ thỉnh giảng là các giảng viên đã nghỉ hưu, các chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý đất đai, quản lý và kinh doanh bất động sản có trình độ cao, chuyên môn vững vàng tích cực hợp tác tham gia đào tạo cùng Học viện. Khoa Quản lý đất đai đã đào tạo kỹ sư với 5 ngành: Quản lý đất đai, Khoa học đất, Kỹ thuật Tài nguyên nước, Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Phân bón và dinh dưỡng cây trồng. Danh sách giảng viên cơ hữu của Học viện Nông

nghiệp Việt Nam tham gia giảng dạy các học phần ngành Quản lý Bất động sản được thể hiện tại phụ lục 3.

Khoa luôn chú trọng xây dựng và đa dạng hóa phương thức phát triển cán bộ khoa học (giảng viên, nghiên cứu viên) và cán bộ quản lý phục vụ theo chuẩn chất lượng tương ứng, có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực, kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển của Học viện. Tính đến tháng 6/2019, khoa Quản lý đất đai đã xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên là cán bộ cơ hữu trong Khoa có trình độ từ kỹ sư trở lên, cùng với các giảng viên các khoa khác trong Học viện tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu và thực hành môn học.

Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu hướng dẫn thí nghiệm, thực hành phục vụ ngành Quản lý Bất động sản được thông kê tại phụ lục 4.

## **2.4. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ**

### **2.4.1. Hoạt động nghiên cứu khoa học**

Về công tác nghiên cứu khoa học và đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, Khoa Quản lý đất đai là nơi khởi nguồn, trực tiếp xây dựng và áp dụng nhiều hướng đi mang tính đột phá trong cả nước về các vấn đề: xây dựng bản đồ đất, nghiên cứu chống thoái hóa đất cả ở vùng đất dốc và vùng đất ven biển; quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới, xây dựng bản đồ giá đất, phát triển quỹ đất, quản lý và sử dụng nước trong lưu vực, quản lý và điều hành trạm bơm,....

Các đề tài, dự án khoa học và các công bố từ 2014 đến nay gồm 25 đề tài cấp Học viện, cấp Học viện trọng điểm, 13 đề tài cấp Bộ, cấp Bộ trọng điểm, nhiều đề tài chuyển giao khoa học kỹ thuật đến các địa phương và dự án thử nghiệm trong đó có đề tài liên quan đến ngành đào tạo.

Học viện và Khoa đã và đang liên kết với các Bộ NN&PTNT, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, các Viện nghiên cứu, các Sở tại các địa phương, các doanh nghiệp và hợp tác xã.

Tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Khoa Quản lý đất đai giai đoạn 2014-2018 được thể hiện tại phụ lục 5.

### **2.4.2. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học**

Khoa Quản lý đất đai và Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã và đang có quan hệ hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế như ĐHTH Kyushu, ĐH Saga, ĐHTH Tokyo (Nhật Bản), ĐHTH Humboldt, ĐHTH Hohenheim

(Đức), ĐH Warmia và Mazury (Ba Lan), ĐH Vân Nam (Trung Quốc), ĐHTH Chiang Mai (Thái Lan), AIT, ĐHTH Sydney (Australia), ĐH Codorba (Tây Ban Nha), Dumbler (Bỉ), ĐHTH Gia Nghĩa (Đài Loan), ĐH Wisconsin - Madison (Hoa Kỳ)...

Các tổ chức quốc tế như Chương trình phát triển của Liên hiệp quốc (UNDP), Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Quỹ quốc tế về Phát triển nông nghiệp (IFAD), REI, IRRI, SEARCA, ACIAR, MCC, JICA, GTZ, UNDP, Ford Foundation, AIDA, SPF... cũng đã có nhiều dự án trực tiếp với các đơn vị trên. Các tổ chức quốc tế đánh giá cao vai trò đóng góp của Khoa và Học viện cho công tác nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế xã hội Việt Nam.

Quá trình hợp tác đã tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ công tác nghiên cứu khoa học và công bố các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước của khoa. Các Hoạt động nghiên cứu và Hợp tác quốc tế rộng rãi của đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia giảng dạy của Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Quản lý Bất động sản được thể hiện qua phụ lục 6.

## **2.5. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO**

### **2.5.1. Phòng học, giảng đường phục vụ giảng dạy**

Học Viện hiện có 12 khu giảng đường: Nguyễn Đăng, A, B, C, D, CD, H, T, TY, E. Các giảng đường đều được trang bị đầy đủ bàn ghế đảm bảo đủ chỗ ngồi cho 2 sinh viên/bàn, quạt trần, bóng đèn, cửa sổ thoáng. Toàn bộ các giảng đường được trang bị máy chiếu Overhead, máy chiếu Projector, thiết bị âm thanh gắn tại phòng học (phụ lục 7). Số lượng phòng học, giảng đường đã và đang đáp ứng nhu cầu dạy và học tại Học viện cũng như nhu cầu đối với ngành Quản lý bất động sản.

### **2.5.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành**

Khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt Nam hiện phụ trách phòng thí nghiệm phân tích JICA và 5 phòng thực hành thuộc 5 bộ môn (Quản lý đất đai, Quy hoạch, Trắc địa - Bản đồ, Hệ thống Thông tin, Tài nguyên nước), đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị cho nhu cầu thí nghiệm và thực hành các môn học trong chương trình do Khoa đảm nhiệm. Ngoài ra, Phòng thực hành Hóa, quan trắc môi trường, công nghệ môi trường (khoa Môi trường) và phòng thực hành Công nghệ thông tin (khoa Công nghệ thông tin) cũng là những phòng thực hành có đầy đủ trang thiết bị đáp ứng yêu cầu của các môn học theo chương trình ngành Quản lý bất động sản (phụ lục 8).

### **2.5.3. Thư viện, giáo trình, sách**

#### ***a/ Thư viện***

Hiện tại Thư viện của Học viện có tổng diện tích 3.741,38 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích phòng đọc là 1500 m<sup>2</sup> với 300 chỗ ngồi; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu là 75 chiếc.

- Phần mềm quản lý thư viện: Hệ thống mạng thông tin hiện có: 01 máy chủ, 120 máy trạm kết nối Intranet/Internet.

Tài liệu in: Trên 37.000 tên sách, với trên 250.000 bản (chủ yếu về Nông nghiệp) bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài; Trên 2.500 tên báo, tạp chí trong và ngoài nước; 2.400 bản tài liệu tra cứu; Gần 8.000 tên luận án Tiến sĩ và luận văn Thạc sĩ;

Tài liệu điện tử: 01 bộ sưu tập số với gần 9.000 dữ liệu toàn văn; 8 CSDL trực tuyến; 6 CSDL trên đĩa CD-ROM;... Tất cả nguồn tài nguyên thông tin được quản trị kỹ thuật bằng phần mềm quản lý thư viện điện tử Libol 6.0 và Cổng thông tin tích hợp quản lý và khai thác tài nguyên điện tử.

Thư viện còn liên hệ với nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong công tác trao đổi thông tin, tư liệu như các cơ quan thông tin-thư viện trong ngành Nông nghiệp và các tổ chức FAO, Đầu tư nhiều cơ sở dữ liệu trực tuyến: Cơ sở dữ liệu trực tuyến của Tổ chức Lương thực thế giới (FAO), 40CD ROM thông tin về các tạp chí nước ngoài như Aquaculture, Aquaculture Engineering, Sciencedirects, Wiley Blackwell, Agriculture ecosystem & environment...

Thư viện có nhiều hình thức phục vụ người dùng khác nhau như: Hướng dẫn tra cứu và đọc tài liệu trên giấy, trên CD ROM và trên INTERNET tại phòng đọc. Do thư viện ở ngay trong khuôn viên của Học viện nên rất thuận tiện cho sinh viên và giáo viên trong việc mượn và đọc tài liệu.

Trung tâm thư viện của Học viện đã kết nối được với Trung tâm thư viện của tất cả các trường Đại học trong cả nước và liên kết với Cục Thông tin Khoa học Công nghệ Quốc Gia nên ngày càng hoàn thiện, dần đáp ứng nhu cầu cập nhật thông tin cho Giảng viên và sinh viên trong toàn Học viện.

Bên cạnh Trung tâm thư viện của Học viện, Khoa Quản lý đất đai cũng có thư viện với các tài liệu và sách chuyên ngành trong lĩnh vực Quản lý đất đai; Quy hoạch sử dụng đất; Vật lý đất, Quản lý tổng hợp lưu vực, Quản lý sử dụng nước, Bảo tồn đất và nước... Nguồn tài liệu thư viện hiện có khoảng gần 700 tên sách tiếng Việt và tiếng Anh các loại. Thư viện Khoa đang được xây dựng để thuận tiện

phục vụ công tác tra cứu và mượn tài liệu chuyên ngành cho sinh viên và giảng viên trong và ngoài Khoa.

***b/ Giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí liên quan đến ngành Quản lý Bất động sản***

Giáo trình, sách chuyên khảo là tài liệu chính phục vụ cho việc giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên nên Khoa và Học viện rất chú trọng công tác biên soạn giáo trình bài giảng, sách chuyên khảo và tạp chí của các ngành đào tạo. Hàng năm, dựa trên cơ sở mục tiêu, chương trình chuẩn hoá, dựa trên nhiệm vụ và kế hoạch giảng dạy cũng như theo yêu cầu của Học viện, các Bộ môn lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về công tác viết mới và biên soạn giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo... phục vụ công tác giảng dạy cho từng ngành và từng bộ môn. Chính vì vậy, số lượng và chủng loại giáo trình, sách chuyên khảo của các ngành và chuyên ngành trong Học viện/Khoa luôn đáp ứng đủ nhu cầu của người học, đảm bảo được tính khoa học và tính cập nhật cao (phụ lục 9 và 10).

## PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

### 3.1. TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO TRÊN THẾ GIỚI VỀ NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

Trên thế giới, việc đào tạo về Quản lý bất động sản đã được thực hiện ở khá nhiều quốc gia như Đài Loan, Malaysia, Bulgari, .... Dưới đây là bảng thống kê chương trình đào tạo đúng và gần đúng với ngành Quản lý bất động sản tại một số quốc gia trên thế giới:

**Bảng 6. Thống kê ngành đào tạo về Quản lý bất động sản trên thế giới**

TT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1	Malaysia	Viện công nghệ Imperia	Quản lý và phát triển bất động sản	Đại học	Cử nhân	<a href="https://www.bachelorstudies.com/BSc-(Hons)-Real-Estate-Management-and-Development-30/Malaysia/Imperia-Institute-of-Technology/">https://www.bachelorstudies.com/BSc-(Hons)-Real-Estate-Management-and-Development-30/Malaysia/Imperia-Institute-of-Technology/</a>
2	Bulgari	Đại học Kiến trúc và Trắc địa	Quy hoạch đất đai và quản lý bất động sản	Đại học	Cử nhân	<a href="https://www.uacg.bg/?p=210&amp;l=2&amp;m=10">https://www.uacg.bg/?p=210&amp;l=2&amp;m=10</a>
3	Đài loan	Đại học Feng Chia	Quản lý bất động sản	Đại học	Cử nhân	<a href="http://en.fcu.edu.tw/wSite/mp?mp=3">http://en.fcu.edu.tw/wSite/mp?mp=3</a>

### 3.2. TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO TẠI VIỆT NAM VỀ QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

Tại Việt Nam, việc đào tạo nhân lực về quản lý bất động sản cũng đã được thực hiện tại một số trường đại học. Danh mục một số cơ sở đào tạo ngành và chuyên ngành quản lý bất động sản được thể hiện tại bảng sau:



**Bảng 7. Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành/chuyên ngành  
Quản lý bất động sản**

TT	Cơ sở đào tạo	Ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1	Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh	Quản lý thị trường Bất động sản	Đại học	Cử nhân	<a href="http://www.hcmuaf.edu.vn/">www.hcmuaf.edu.vn/</a>
2	Đại học Tài nguyên Môi trường TP Hồ Chí Minh	Quản lý Bất động sản	Đại học	Cử nhân	<a href="http://www.hcmunre.edu.vn/">www.hcmunre.edu.vn/</a>
3	Đại học Nông Lâm Huế	Quản lý thị trường Bất động sản	Đại học	Cử nhân	<a href="http://www.huaf.edu.vn/">www.huaf.edu.vn/</a>
4	Đại học Nông lâm, Đại học Thái nguyên	Bất động sản (Chuyên ngành Quản lý và kinh doanh bất động sản)	Đại học	Cử nhân	<a href="http://tuaf.edu.vn/phongdaotao/bai-viet/cac-chuong-trinh-dao-tao-bac-dai-hoc-cua-truong-dai-hoc-nong-lam-thai-nguyen-19501.html">http://tuaf.edu.vn/phongdaotao/bai-viet/cac-chuong-trinh-dao-tao-bac-dai-hoc-cua-truong-dai-hoc-nong-lam-thai-nguyen-19501.html</a>
5	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	Bất động sản (Chuyên ngành Kinh doanh Bất động sản)	Đại học	Cử nhân	<a href="https://khoabatdongsan.nue.edu.vn/vi/dao-tao-dh/cac-nganh-dao-tao-0946">https://khoabatdongsan.nue.edu.vn/vi/dao-tao-dh/cac-nganh-dao-tao-0946</a>

### **3.3. TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN**

Trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo trên thế giới, chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản do khoa Quản lý đất đai, Học viện Nông nghiệp Việt nam xây dựng như sau:

#### **3.3.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

##### **1. Mục tiêu**

##### **1.1. Mục tiêu chung:**

Chương trình ngành Quản lý bất động sản đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức nghề nghiệp, có năng lực chuyên môn, có khả năng làm việc độc lập và ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn thuộc ngành Quản lý bất động sản.

## **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

MT1: Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản trở thành các nhà quản lý, người làm việc trong lĩnh vực quản lý bất động sản mang tính chuyên nghiệp cao.

MT2: Giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Quản lý bất động sản và các lĩnh vực liên quan, đóng góp cho sự phát triển của ngành và sự phát triển kinh tế xã hội.

MT3: Yêu nghề, có trách nhiệm trong công việc, tôn trọng đồng nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.

## **2. Chuẩn đầu ra**

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

### **2.1. Kiến thức**

#### *\* Kiến thức chung*

CDR1: **Áp dụng** kiến thức toán, khoa học tự nhiên, môi trường, chính trị, xã hội vào lĩnh vực quản lý bất động sản;

#### *\* Kiến thức chuyên môn*

CDR2: **Phân tích** ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, chính sách, pháp luật đến quản lý, kinh doanh bất động sản;

CDR3: **Đánh giá** công tác quản lý, định giá bất động sản và đề xuất chính sách để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội;

CDR4: **Lập** dự án đầu tư, kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

### **2.2. Về kỹ năng**

#### *\* Kỹ năng chung*

- CDR5: **Vận dụng** tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh bất động sản một cách có hiệu quả;

- CDR6: **Giao tiếp** hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hóa và sử dụng thông thạo tiếng Anh;

- CDR7: **Làm việc** nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đạt mục tiêu đề ra;

\* Kỹ năng chuyên môn

CĐR8: **Vận dụng phối hợp** công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại để xây dựng hệ thống thông tin đất đai và tài sản gắn liền với đất phục vụ hiệu quả công tác quản lý, kinh doanh bất động sản;

CĐR9: **Vận dụng** kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý bất động sản.

CĐR10: **Thực hiện thành thạo** các nghiệp vụ hành chính, pháp lý trong lĩnh vực quản lý bất động sản.

### 2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

CĐR11: **Tuân thủ pháp luật**, tôn trọng văn hóa của tổ chức, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm trong quản lý, kinh doanh bất động sản phục vụ phát triển bền vững;

CĐR12: **Định hướng** tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời;

### 3. Định hướng nghề nghiệp của người học sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản có thể đảm nhận các vị trí như lãnh đạo, giảng viên, cán bộ tư vấn và chuyên viên tại các đơn vị:

+ Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và đầu tư.

+ Cục quản lý nhà và thị trường Bất động sản, Viện kinh tế xây dựng, Tổng cục Quản lý đất đai, Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn, Viện Nghiên cứu Quản lý đất đai;

+ Sở Xây dựng các tỉnh thành phố, sở Tài chính, sở Kế hoạch và đầu tư; sở Quy hoạch kiến trúc; Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Phòng Quản lý đô thị các quận, phòng kinh tế hạ tầng, phòng Công thương; phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Tài chính - kế hoạch huyện, thị xã;

+ Công chức Địa chính - Xây dựng, Thanh tra xây dựng tại các xã, phường, thị trấn;

+ Các ngân hàng, tổ chức tín dụng;

+ Trung tâm định giá đất, môi giới nhà đất, sàn giao dịch bất động sản;

+ Trung tâm tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, công ty Tài nguyên và Môi trường;

- + Các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh bất động sản;
- + Giảng viên ngành Quản lý bất động sản tại trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

#### **4. Định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Người học tốt nghiệp đại học ngành Quản lý bất động sản có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

- + Thạc sĩ Quản lý đất đai;
- + Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường;
- + Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế
- + Thạc sĩ Quản lý đô thị
- + Tiến sĩ Quản lý đất đai;
- + Tiến sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường;
- + Tiến sĩ Kinh tế

#### **3.3.2. Nội dung chương trình đào tạo**

Nội dung chương trình đào tạo được xây dựng ở bảng 6, tiến trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản được xây dựng ở bảng 7

**Bảng 8. Chương trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản**

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
**HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

Tên chương trình:                   **QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN**  
 Trình độ đào tạo:                   **Đại học**  
 Ngành đào tạo:                       **Quản lý Bất động sản**  
 Chuyên ngành                       **Quản lý Bất động sản**  
 Mã ngành:                           **785 01 18**  
 Loại hình đào tạo :                   **Hệ chính quy**  
 Thời gian đào tạo:                   **4 năm**

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng việt	Tên tiếng Anh của học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Bắt buộc	Tự chọn	Thuộc khối kiến thức
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành				
<b>TỔNG SỐ PHẦN ĐẠI CƯƠNG</b>				<b>40</b>				<b>38</b>	<b>2</b>	
1		Mác +Ngoại ngữ		17				x		Đại cương
2	TH01009	Tin học đại cương	Basics of Informatics	2	1	1		x		
3	QL01015	Cấp thoát nước	Water Supply and Sanitation	2	2	0				

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng việt	Tên tiếng Anh của học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Bắt buộc	Tự chọn	Thuộc khối kiến thức	
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành					
4	KT02003	Nguyên lý kinh tế	Principles of Economics	3	2	0		x			
5	ML01009	Pháp luật đại cương	Foundation law	2	2	0		x			
6	QL02047	Thổ nhưỡng	Pedology	2	1,5	0,5		x			
7	TH01007	Xác suất thống kê	Probability and statistics	3	3	0		x			
9	QL02026	Trắc địa 1	Geodesy 1	2	1,5	0,5		x			
10	KQ02016	Marketing căn bản	Basics of Marketing	3	2	0		x			
11	QL02032	Đồ họa ứng dụng	Graphic Design Application	2	1	1		x			
12	SN01016	Tâm lý học đại cương	Basic psychology	2	2	0			x		
13	ML01007	Xã hội học đại cương 1	Introduction to Sociology 1	2	2	0			x		
14	QL02017	Bản đồ học	Cartography	2	1,5	0,5			x		
<b>TỔNG SỐ PHẦN CƠ SỞ NGÀNH</b>				<b>22</b>				<b>18</b>	<b>4</b>		
15	ML03025	Luật đất đai	Land Law	2	2	0		x			Cơ sở ngành
16	QL02019	Hệ thống thông tin địa lý	Geographic Information System (GIS)	2	2	0		x			
17	QL03039	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Master Planning	2	2	0		x			
18	KT03099	Kinh tế bất động sản	Real Estate Economics	2	1,5	0,5		x			
19	ML03044	Luật kinh doanh bất động sản	Real Estate Business Law	2	2	0		x			
20	QL02022	Cơ sở dữ liệu đất đai	Land DataBase	2	1,5	0,5		x			

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng việt	Tên tiếng Anh của học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Bắt buộc	Tự chọn	Thuộc khối kiến thức
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành				
21	QL03028	Quản lý nhà nước về đất đai	Land Administration	2	2	0		x		
22	QL03087	Quy hoạch sử dụng đất	Land Use Planning	2	2	0		x		
23	QL02016	Bản đồ địa chính	Cadastral Map	2	1,5	0,5		x		
24	QL03014	Đánh giá đất	Land Evaluation	2	2	0			x	
25	ML02032	Luật xây dựng và nhà ở	Construction Law and Housing Law	2	1,5	0,5			x	
26	QL03053	Tin học ứng dụng VBD	Applied informatics in mapping	2	1	1			x	
27	QL02029	Viễn thám	Remote sensing	2	1,5	0,5			x	
<b>TỔNG SỐ PHẦN CHUYÊN NGÀNH</b>				<b>69</b>				<b>61</b>	<b>8</b>	
28	SN03054	Tiếng anh chuyên ngành	English for Land Management	2	2	0	Tiếng anh 2	x		
29	QL03073	Định giá bất động sản	Real Estate Valuation	2	1,5	0,5		x		
30	QL03033	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	Urban and rural residentail Planning	2	2	0		x		
31	QL03088	Đăng ký thống kê đất đai	Land registration and statistics	2	1,5	0,5	Quản lý nhà nước về đất đai	x		Chuyên ngành
32	QL03046	Hệ thống thông tin bất động sản	Real Estate Information system	2	1,5	0,5	Hệ thống thông tin địa lý	x		
33	QL03074	Quản lý đất đô thị	Project of Land Use Planning	2	1,5	0,5		x		

TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng việt	Tên tiếng Anh của học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Bắt buộc	Tự chọn	Thuộc khối kiến thức
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành				
34	QL03077	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Real Estate Trade Center Management	2	2	0	Định giá bất động sản	x		
35	QL03041	Thị trường bất động sản	Real Estate market	2	2	0		x		
36	QL03078	Tư vấn đầu tư BĐS	Real Estate Investment Consulting	2	1,5	0,5		x		
37	QL03029	Thanh tra đất	Land Inspection	2	1,5	0,5	Quản lý nhà nước về đất đai	x		
38	QL03030	Thuế bất động sản	Real Estate Tax	2	1,5	0,5		x		
39	QL03075	Đàm phán trong kinh doanh bất động sản	Negotiations in the real estate business	2	1,5	0,5		x		
40	QL03032	Quy hoạch cảnh quan	Landscape planning	2	1,5	0,5		x		
41	QL03093	Quản trị bất động sản	Real Estate Management	2	1,5	0,5		x		
42	QL03091	Giao đất và thu hồi đất	Land Allocation and Reclaime	3	2	1	Luật đất đai	x		
43	QL04021	Thực tập nghề nghiệp 1 ngành Quản lý Bất động sản	Fieldtrips 1 of REM	10		10	Quản lý nhà nước về đất đai	x		
44	QL04022	Thực tập nghề nghiệp 2 ngành Quản lý Bất động sản	Fieldtrips 2 of REM	10		10	Thị trường BĐS	x		



TT	Mã học phần	Tên học phần tiếng việt	Tên tiếng Anh của học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Bắt buộc	Tự chọn	Thuộc khối kiến thức
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành				
45	QL04995	Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	Thesis	10		10	Thực tập nghề nghiệp ngành Quản lý bất động sản 1,2	x		
46	QL03034	Quy hoạch môi trường	Environmental Planning	2	2	0			x	
47	QL03050	Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai	Community based land management	2	2	0			x	
48	QL03040	Quy hoạch vùng	Regional Planning	2	2	0			x	
49	QL03042	Phương pháp lập dự án đầu tư	Investment project design methods	2	2	0			x	
50	QL03080	Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	Applying Feng-shui in Real estate business	2	1,5	0,5			x	
51	QL03052	Hệ thống thông tin đất đai	Land Information System (LIS)	2	1,5	0,5	Hệ thống thông tin địa lý		x	

**Tổng****131****Tổng số tín chỉ bắt buộc****117****Tổng số tín chỉ tự chọn****14**

**Bảng 9. Tiến trình đào tạo ngành Quản lý bất động sản**

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
**HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN**

**QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN (REAL ESTATE**

Tên chương trình: **MANAGEMENT)**  
 Trình độ đào tạo: **Đại học**  
 Ngành đào tạo: **Quản lý Bất động sản**  
 Chuyên ngành: **Quản lý Bất động sản**  
 Mã ngành: **7 85 01 18 (Thí điểm)**  
 Loại hình đào tạo : **Hệ chính quy**  
 Thời gian đào tạo: **4 năm**

23

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng việt	Mã học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Mã học phần học trước	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành					
1	1	Tin học đại cương	TH01009	2	1	1				<b>BB</b>	0
1	2	Nguyên lý kinh tế	KT02003	3	3	0				<b>BB</b>	
1	3	Pháp luật đại cương	ML01009	2	2	0				<b>BB</b>	
1	4	Triết học Mác - Lê Nin	ML01020	3	3	0				<b>BB</b>	

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng việt	Mã học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Mã học phần học trước	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành					
1	5	Xác suất thống kê	TH01007	3	3	0				<b>BB</b>	
1	6	Trắc địa 1	QL02026	2	1,5	0,5				<b>BB</b>	
1	7	Giáo dục thể chất đại cương	GT01016	1	0,5	0,5				<b>PC/BB</b>	
1	8	Tiếng anh bổ trợ	SN00010	1	1	0				-	
1	9	Giáo dục quốc phòng 1,2,3	QS01001 QS01002 QS01003	8	7	1				<b>PC/BB</b>	0
		<b>Tổng kỳ 1</b>		<b>15</b>							
2	10	Thủ nhường	QL02047	2	1,5	0,5				<b>BB</b>	
2	11	Marketing căn bản	KQ02016	3	3	0				<b>BB</b>	
2	12	Luật đất đai	ML03025	2	2	0				BB	
2	13	Kinh tế chính trị Mác -Lê Nin	ML01021	2	2	0	Triết học Mác - Lê Nin	ML01020	2	BB	
2	14	Hệ thống thông tin địa lý	QL02019	2	2	0				BB	
2	15	Cấp thoát nước	QL01015	2	2	0				<b>BB</b>	
2	16	Đồ họa ứng dụng	QL02032	2	1	1				<b>BB</b>	
2	17	Tiếng anh 0	SN00011	2	2	0				-	
2	18	Kỹ năng mềm:90 tiết (chọn 3 trong 6 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng tìm kiếm việc	KN01001/ KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/	2	2	0				PC/BB	

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng việt	Mã học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Mã học phần học trước	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành					
		làm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hội nhập quốc tế	KN01006								
2	19	Giáo dục thể chất( chọn 2 trong 9 HP: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ, thể thao, bơi)	GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01014/ GT01015	1	0	1				PC/BB	
		<b>Tổng kỳ 2</b>		<b>15</b>							
3	20	Tiếng anh 1	SN01032	3	3	0	Tiếng anh 0	SN00011	3	BB	2
3	21	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ML01022	2	2	0	Kinh tế chính trị Mác -Lê Nin	ML01021	2	BB	
3	22	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	QL03039	2	2	0				BB	
3	23	Kinh tế bất động sản	KT03099	2	1,5	0,5				BB	
3	24	Luật kinh doanh bất động sản	ML03044	2	2	0				BB	
3	25	Cơ sở dữ liệu đất đai	QL02022	2	1,5	0,5				BB	
3	26	Bản đồ địa chính	QL02016	2	1,5	0,5				BB	

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng việt	Mã học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Mã học phần học trước	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành					
3	27	Tâm lý học đại cương	SN01016	2	2	0				TC	
3	28	Xã hội học đại cương 1	ML01007	2	2	0				TC	
		<b>Tổng kỳ 3</b>		<b>17</b>							
4	29	Tiếng anh 2	SN01033	3	3	0	Tiếng anh 1	SN01032	3	BB	4
4	30	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ML01005	2	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ML01022	2	BB	
4	31	Quản lý nhà nước về đất đai	QL03028	2	2	0				BB	
4	32	Quy hoạch sử dụng đất	QL03087	2	2	0				BB	
4	33	Định giá bất động sản	QL03073	2	1,5	0,5				BB	
4	34	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	QL03033	2	2	0				BB	
4	35	Đánh giá đất	QL03014	2	2	0				TC	
4	36	Viễn thám	QL02029	2	1,5	0,5				TC	
4	37	Tin học ứng dụng VBD	QL03053	2	1	1				TC	
4	38	Bản đồ học	QL02017	2	1,5	0,5				TC	
		<b>Tổng kỳ 4</b>		<b>17</b>							
5	39	Tiếng anh chuyên ngành quản lý bất động sản	SN030xx	2	2	0	Tiếng anh 2	SN01033	2	BB	4
5	40	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	ML01023	2	2	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ML01005	2	BB	
5	41	Đăng ký thống kê đất đai	QL03088	2	1,5	0,5	Quản lý nhà nước về	QL03028	2	BB	

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng việt	Mã học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Mã học phần học trước	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành					
							đất đai				
5	42	Hệ thống thông tin bất động sản	QL03046	2	1,5	0,5	Hệ thống thông tin địa lý	QL02019	2	BB	
5	43	Quản lý đất đô thị	QL03074	2	1,5	0,5				BB	
5	44	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	QL03077	2	2	0	Định giá bất động sản	QL03073	2	BB	
5	45	Thị trường bất động sản	QL03041	2	2	0				BB	
5	46	Tư vấn đầu tư BĐS	QL03078	2	1,5	0,5				BB	
5	47	Luật xây dựng và nhà ở	ML02032	2	1,5	0,5				TC	
5	48	Quy hoạch vùng	QL03095	2	2	0				TC	
5	49	Hệ thống thông tin đất đai	QL03052	2	1,5	0,5	Hệ thống thông tin địa lý	QL02019	2	TC	
		<b>Tổng kỳ 5</b>		<b>20</b>							
6	50	Thanh tra đất	QL03029	2	1,5	0,5	Quản lý nhà nước về đất đai	QL03028	2	BB	
6	51	Thuế bất động sản	QL03030	2	1,5	0,5				BB	
6	52	Đàm phán trong kinh doanh bất động sản	QL03075	2	1,5	0,5				BB	4
6	53	Thực tập nghề nghiệp 1 ngành Quản lý Bất động sản	QL04021	10		10	Quản lý nhà nước về đất đai	QL03028	2	BB	
6	54	Tham vấn cộng đồng trong	QL03050	2	2	0				TC	

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng việt	Mã học phần	Số tín chỉ			Tên học phần học trước	Mã học phần học trước	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn
				Tổng	Lý thuyết	Thực hành					
		quản lý đất đai									
6	55	Phương pháp lập dự án đầu tư	QL03042	2	2	0				TC	
6	56	Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	QL03080	2	1,5	0,5				TC	
6	57	Quy hoạch môi trường	QL03034	2	2	0				TC	
		<b>Tổng kỳ 6</b>		<b>20</b>							
7	58	Quản trị bất động sản	QL03093	2	1,5	0,5				BB	
7	59	Giao đất và thu hồi đất	QL03091	3	2	1	Luật đất đai			BB	
7	60	Quy hoạch cảnh quan	QL03032	2	1,5	0,5				BB	0
7	61	Thực tập nghề nghiệp 2 ngành Quản lý Bất động sản	QL04022	10		10	Thị trường BĐS			BB	
		<b>Tổng kỳ 7</b>		<b>17</b>							
8	62	Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	QL04995	10		10	Thực tập nghề nghiệp ngành Quản lý bất động sản 1,2			BB	
		<b>Tổng kỳ 8</b>		<b>10</b>							

**Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 131**

**Số tín chỉ bắt buộc : 117**

**Số tín chỉ tự chọn : 14**

### **3.4. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN TUYỂN SINH**

#### **3.4.1. Đối tượng tuyển sinh**

Đối tượng tuyển sinh bao gồm các đối tượng quy định tại Điều 6 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy được ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/BGDĐT ngày 26/2/2015.

Đối tượng tuyển sinh bao gồm là những người đã tốt nghiệp THPT (theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên) hoặc đã tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học.

Người tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng nghề nhưng chưa có bằng tốt nghiệp THPT phải học và được công nhận hoàn thành các môn văn hóa trong chương trình giáo dục THPT theo quy định của Bộ GDĐT.

#### **3.4.2. Phương thức tuyển sinh**

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2020 để xét tuyển hoặc xét tuyển bằng học bạ và các hình thức khác do Học viện quy định.

#### **3.4.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh**

Năm đầu tiên mở chuyên ngành, đề nghị Học viện đề xuất trình với Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Học viện đưa chương trình đào tạo ngành Quản lý Bất động sản vào cuốn “Những điều cần biết tuyển sinh đại học, cao đẳng”. Cho phép Học viện được quảng bá ngành Quản lý Bất động sản trong thông tin tuyển sinh của các trường và các phương tiện truyền thông khác.

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu của ngành Quản lý bất động sản:

Năm thứ 1 và năm thứ 2: 30-50 sinh viên mỗi năm

Năm thứ 3- năm thứ 5: 50-80 sinh viên mỗi năm

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2019

**KT. TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



**PGS.TS. Trần Quốc Vinh**



## PHỤ LỤC

Phụ lục 1.	Kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực chuyên ngành Quản lý bất động sản.....	31
Phụ lục 2.	Kết quả đánh giá về chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản lý bất động sản.....	32
Phụ lục 3.	Danh sách giảng viên cơ hữu của Học viện Nông nghiệp Việt Nam tham gia giảng dạy các học phần ngành Quản lý Bất động sản .....	33
Phụ lục 4.	Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu hướng dẫn thí nghiệm, thực hành phục vụ chuyên ngành Quản lý bất động sản .....	39
Phụ lục 5.	Tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Khoa Quản lý đất đai giai đoạn 2014-2018 .....	40
Phụ lục 6.	Kết quả hợp tác quốc tế của Khoa Quản lý đất đai giai đoạn 2014-2018.....	41
Phụ lục 7.	Phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy được sử dụng cho chuyên ngành Quản lý Bất động sản.....	42
Phụ lục 8.	Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành chuyên ngành Quản lý bất động sản.....	44
Phụ lục 9.	Danh mục giáo trình ngành Quản lý bất động sản .....	47
Phụ lục 10.	Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí liên quan đến ngành đào tạo .....	50
Phụ lục 11.	Mô tả văn tắt nội dung và khối lượng các học phần .....	52

**Phụ lục 1. Kết quả khảo sát nhu cầu nhân lực chuyên ngành  
Quản lý bất động sản**

TT	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ	TỶ LỆ
			ĐÁNH GIÁ (%)
1	Sự hiểu biết của nhân viên về Quản lý bất động sản là	Không cần thiết	0,00
		Ít cần thiết	3,70
		Cần thiết	33,33
		Rất cần thiết	62,96
2	Thực hiện tuyển dụng nhân sự về Quản lý bất động sản trong 5 năm gần đây	Không	9,88
		Có	90,12
		Khác	0,00
3	Nhu cầu tuyển dụng nhân sự trong 10 năm tới về Quản lý bất động sản	Không	3,70
		Có	96,30
4	Trình độ nhân lực về Quản lý bất động sản sẽ tuyển dụng <i>(Có nhà tuyển dụng chọn nhiều trình độ nên tổng số % lựa chọn sẽ lớn hơn 100%)</i>	Thạc sỹ	29,63
		Kỹ sư/Cử nhân	86,42
		Cao đẳng	8,64
		Trung cấp	2,47
5	Dự báo về nhu cầu về nhân lực có chuyên môn về Quản lý bất động sản	Tăng nhanh	88,89
		Tăng chậm	11,11
		Không thay đổi	0,00
		Giảm xuống	0,00

**Phụ lục 2. Kết quả đánh giá về chuẩn đầu ra chuyên ngành Quản lý bất động sản**

TT	Nội dung đánh giá	Tổng số phiếu	Tỷ lệ đánh giá chất lượng chuẩn đầu ra (%)				
			Thấp	Vừa	Cao	Quá cao	Tổng số
1	<i>Về kiến thức</i>	72					
1,1	Giảng viên	18	0	43,06	30,56	26,39	100,0
1,2	Nhà khoa học	16	0	0	51,56	48,44	100,0
1,3	Nhà tuyển dụng	19	0	23,68	50	26,32	100,0
1,4	Cựu sinh viên	19	0	27,63	50	22,37	100,0
2	<i>Về kỹ năng</i>	72					
2,1	Giảng viên	18	0	39,81	36,11	24,07	100,0
2,2	Nhà khoa học	16	0	0	41,67	58,33	100,0
2,3	Nhà tuyển dụng	19	0,88	22,81	35,09	41,23	100,0
2,4	Cựu sinh viên	19	0	24,56	33,33	42,11	100,0
3	<i>Về tự chủ</i>	72					
3,1	Giảng viên	18	0	30,56	36,11	33,33	100,0
3,2	Nhà khoa học	16	0	0	50	50	100,0
3,3	Nhà tuyển dụng	19	0	21,05	44,74	34,21	100,0
3,4	Cựu sinh viên	19	0	30,56	36,11	33,33	100,0

**Phụ lục 3. Danh sách giảng viên cơ hữu của Học viện Nông nghiệp Việt Nam  
tham gia giảng dạy các học phần ngành Quản lý Bất động sản**

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Chức danh khoa học, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm</b>
1	Lê Văn Hùng, 1978		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Những nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin 1, STC: 2
2	Dương Đức Đại, 1984		Thạc sỹ, Việt Nam, 2010	Kinh tế chính trị	Những nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin 2, STC: 3
3	Tạ Quang Giảng, 1976		Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	Lịch sử Đảng	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN, STC:3
4	Nguyễn Đắc Dũng, 1976, Phó Bộ môn tư tưởng HCM		Thạc sỹ, Việt Nam, 2006	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh. STC: 2
5	Nguyễn Thị Minh Tâm, 1976		Thạc sỹ, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ học	Tiếng Anh I, STC: 2
6	Bùi Thị Là, 1980		Thạc sỹ, Thụy Điển, 2009	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh II, STC: 2
7	Phạm Thị Tuyết Thanh, 1975, Trưởng Bộ môn Lý thuyết tiếng		Thạc sỹ, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ học	Tiếng Anh III, STC: 2
8	Nguyễn Văn Chung, Trưởng Bộ môn Đường lối		Cử nhân Chính trị	Đường lối quân sự	Giáo dục quốc phòng 1, STC: 3
9	Vũ Mạnh Tường		Thạc sỹ	Chiến thuật	Giáo dục quốc phòng 2, STC: 2
10	Dương Xuân Dũng		Cử nhân Quân sự	Kỹ thuật	Giáo dục quốc phòng 3; STC: 3
11	Nguyễn Xuân Cừ, 1974, Phó giám đốc Trung tâm GDTC và TT		Thạc sỹ, Việt Nam, 2007	Giáo dục thể chất	Lý thuyết giáo dục thể chất - chạy cự ly trung bình, STC: 1

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Chức danh khoa học, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm</b>
12	Hoàng Văn Hưng, 1958		Thạc sỹ, Việt Nam, 1999	Giáo dục thể chất	Chạy 100 m - Nhảy xa, STC: 1
13	Trần Văn Tác, 1959		Thạc sỹ, Việt Nam, 1999	Giáo dục thể chất	Thẻ dục, STC: 1
14	Nguyễn Đăng Thiện, 1966, Giám đốc Trung tâm GDTC và TT		Thạc sỹ, Việt Nam, 2001	Giáo dục thể chất	Bóng đá 1, STC: 1
15	Trần Văn Hậu, 1982		Thạc sỹ, Trung Quốc, 2009	Giáo dục thể chất	Bóng chuyền 1, STC: 1
16	Đặng Đức Hoàn, 1982		Tiến sỹ, Trung Quốc, 201	Giáo dục thể chất	Bóng rổ 1, STC: 1
17	Lê Thị Kim Lan, 1979, Phó bộ môn giáo dục thể chất		Thạc sỹ, Trung Quốc, 2009	Giáo dục thể chất	Cầu lông 1, STC: 1
18	Nguyễn Văn Quảng, 1979		Thạc sỹ, Việt Nam, 2011	Giáo dục thể chất	Cờ vua 1, STC: 1
19	Cao Hùng Dũng, 1972, Trợ lý vật tư Trung tâm GDTC và TT		Thạc sỹ, Việt Nam, 2007	Giáo dục thể chất	Bóng đá 2; STC: 1
20	Nguyễn Văn Toàn, 1977, Trưởng BM giáo dục thể chất		Thạc sỹ, Việt Nam, 2007		Bóng chuyền 2; STC: 1
21	Đào Quang Trung, 1985		Thạc sỹ, Việt Nam, 2014	Giáo dục thể chất	Bóng rổ 2; STC: 1
22	Phan Thị Điều, 1974		Thạc sỹ, Việt Nam, 2013	Giáo dục thể chất	Cầu lông 2; STC: 1

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Chức danh khoa học, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm</b>
23	Đào Thu Huyền, 1982, Phó Trưởng BM Toán – Khoa CNTT		Tiến sĩ, CH Pháp, 2013	Toán ứng dụng	Toán cao cấp, STC: 3
24	Bùi Thị Thu, 1976, Phó Bộ môn lý		Thạc sĩ, Việt Nam, 2008	Vật lý	Vật lý, STC: 2
25	Nguyễn Ngọc Kiên, 1977		Thạc sĩ, Việt Nam, 2009	Hóa học	Hóa đại cương, STC: 2
26	Nguyễn Tất Thắng, 1969, Trưởng BM Kinh tế		TS, Nhật Bản, 2005	Khoa học nông nghiệp	Nguyên lý kinh tế, STC: 2
27	Lê Thị Yên, Khoa LLCT&XH		Thạc sĩ, Việt Nam	Luật	Luật Đất đai, STC: 2
28	Cao Việt Hà, 1970, Trưởng khoa Quản lý đất đai		Tiến sĩ, Nga, 1999	Khoa học đất	Thổ nhưỡng đại cương, STC: 2
29	Phan Văn Khuê, 1977, giảng viên		Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Kỹ thuật trắc địa	Trắc địa 1, STC: 2
30	Chu Thị Kim Loan, 1968, Trưởng bộ môn Marketing		Tiến sĩ, Nhật Bản, 2005	Kinh tế nông nghiệp và tài nguyên	Marketing căn bản, STC: 3
31	Đặng Thị Vân, giảng viên	PGS, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013		Tâm lý học đại cương, STC: 2
32	Ngô Công Thắng, 1976, Trưởng BM Công nghệ phần mềm		Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Khoa học máy tính	Tin học đại cương, STC: 2
33	Nguyễn Thị Diễm, Phó Trưởng khoa LLCT&	PGS, 2018	Tiến sĩ, Bỉ, 2010	Xã hội học	Xã hội học đại cương 1, STC: 2
34	Lê Thị Yên, Khoa LLCT&XH		Thạc sĩ, Việt Nam	Luật	Luật Xây dựng và Nhà ở, STC: 2
35	Trần Quốc Vinh, 1972, Phó Trưởng khoa Quản lý đất đai	PGS, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý đất đai	Viễn thám, STC: 2

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại</b>	<b>Chức danh khoa học, năm phong</b>	<b>Học vị, nước, năm tốt nghiệp</b>	<b>Ngành, chuyên ngành</b>	<b>Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm</b>
36	Nguyễn Hữu Giáp, 1987, Giảng viên		ThS, Thái Lan, 2016	Kinh tế tài nguyên và nông nghiệp	Kinh tế bất động sản, STC: 2
37	Lê Thị Giang, 1973	PGS, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý đất đai	Hệ thống thông tin địa lý, STC: 2
38	Đỗ Nguyên Hải, 1956	PGS	Việt Nam	Khoa học đất	Đánh giá đất, STC: 2
39	Ngô Thị Dung, 1979, Trưởng bộ môn Tài nguyên nước		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Quy hoạch và quản lý Tài nguyên nước	Cấp thoát nước, STC: 2
40	Nguyễn Đức Thuận, 1987		ThS, Việt Nam, 2012	Bản đồ, viễn thám và GIS	Đồ họa ứng dụng, STC: 2
40	Đỗ Thị Đức Hạnh, 1973, Phó BM Quản lý đất đai	GVC, 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý đất đai	Quản lý nhà nước về đất đai, STC: 2
42	Bùi Thị Là, 1980		ThS, Thụy Điển, 2009	Ngôn ngữ Anh	Tiếng anh chuyên ngành, STC: 2
43	Bùi Nguyên Hạnh, 1986		Thạc sĩ, Việt Nam	Quản lý đất đai	Thuế bất động sản, STC: 2
44	Phạm Văn Vân, 1972, Phó BM Hệ thống thông tin đất	GVC, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Quản lý đất đai	Hệ thống thông tin BĐS, STC: 2
45	Bùi Lê Vinh, 1978		Tiến sĩ, Đức, 2013	Quản lý tài nguyên	Quản lý sàn giao dịch BĐS, STC: 2
46	Trần Trọng Phương, 1973, Phó khoa Quản lý đất đai	PGS, 2018	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý đất đai	Bản đồ địa chính, STC: 2
47	Nguyễn Quang Học, 1961, Trưởng bộ môn QHĐĐ	PGS, 2015	Tiến sĩ, Việt Nam,	Quản lý đất đai	Quy hoạch sử dụng đất, STC: 2
48	Đỗ Thị Đức Hạnh, 1973, Phó BM QLĐĐ	GVC, 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý đất đai	Quản lý đất đô thị, STC: 2
59	Nguyễn Thị Thu Hương, 1981		Thạc sĩ, Việt Nam	Quản lý đất đai	Đăng ký thống kê đất đai, STC: 2
50	Nguyễn Văn Quân, 1972, Trưởng Bm QLĐĐ, GVC	GVC, 2011	Tiến sĩ	Quản lý đất đai	Tư vấn đầu tư BĐS, STC: 2

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
51	Quyền Thị Lan Phương, 1980		TS, Nhật	Quản lý tài nguyên	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn, STC: 2
52	Hồ Thị Lam Trà, 1964, giảng viên	PGS, 2007	Tiến sĩ, Nhật Bản	Nông nghiệp	Định giá bất động sản, STC: 2
53	Quyền Thị Lan Phương, 1980		TS, Nhật	Quản lý tài nguyên	Quy hoạch cảnh quan, STC: 2
54	Phạm Phương Nam, 1966	GVC, 2011	Tiến sĩ, Bulgari	Quản lý đất đai	Bồi thường giải phóng mặt bằng, STC: 2
55	Phan Thị Thanh Huyền, 1977		Tiến sĩ, Việt Nam, 2012	Quản lý đất đai	Quản trị bất động sản, STC: 2
56	Ngô Thị Hà, 1987		Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Quản lý đất đai	Giao đất và thu hồi đất, STC: 2
57	Nguyễn Thị Thu Hương, 1981		Thạc sĩ, Việt Nam	Quản lý đất đai	Thanh tra đất, STC: 2
58	Đỗ Thị Tám, 1974	PGS, 2015	Tiến sĩ, Philippin	Quản lý đất đai	Quy hoạch môi trường, STC: 3
59	Đỗ Thị Tám, 1974	PGS, 2015	Tiến sĩ, Philippin	Quản lý đất đai	Phong thủy trong kinh doanh bất động sản, STC: 2
60	Nguyễn Văn Quân, 1972, Trưởng bộ môn Quản lý đất đai	GVC, 2011	Tiến sĩ, Việt Nam, 2013	Quản lý đất đai	Đàm phán trong kinh doanh bất động sản, STC: 3
61	Nguyễn Quang Học, 1961, Trưởng bộ môn QHĐĐ	PGS, 2015	Tiến sĩ, Việt Nam,	Quản lý đất đai	Phương pháp lập dự án đầu tư, STC: 2
62	Nguyễn Thị Hương, 1986		Thạc sĩ, Nhật Bản, 2014	Kinh tế nông nghiệp	Thị trường chứng khoán, STC: 2
63	Đỗ Thị Tám, 1974	PGS, 2015	Tiến sĩ, Philippin	Quản lý đất đai	Tham vấn cộng đồng trong Quản lý đất đai, STC: 3
64	Lê Thị Giang, 1973	PGS, 2018	TS, 2012	Quản lý đất đai	Cơ sở dữ liệu đất đai, STC: 2

Khoa luôn chú trọng xây dựng và đa dạng hóa phương thức phát triển cán bộ khoa học (giảng viên, nghiên cứu viên) và cán bộ quản lý phục vụ theo chuẩn chất



lượng tương ứng, có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực, kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển của Học viện. Tính đến tháng 6/2019, khoa Quản lý đất đai đã xây dựng đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên là cán bộ cơ hữu trong Khoa có trình độ từ kỹ sư trở lên cùng với các giảng viên trong Khoa và Học viện tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu và thực hành môn học. Ngoài ra, để đáp ứng yêu cầu liên ngành liên khoa đối với các sinh viên các môn học liên ngành, liên khoa.

**Phụ lục 4. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên cơ hữu hướng dẫn thí nghiệm, thực hành phục vụ chuyên ngành Quản lý bất động sản**

<b>Số TT</b>	<b>Họ và tên, năm sinh</b>	<b>Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp</b>	<b>Phụ trách phòng thí nghiệm, thực hành</b>	<b>Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần trong chương trình đào tạo</b>
1	Thân Thị Huyền	Kỹ sư	Máy tính	Tin học đại cương
2	Nguyễn Thọ Hoàng, 1984	Kỹ sư, 2009	JICA	Thở nhường đại cương
3	Nguyễn Khắc Năng, 1984	Thạc sỹ, 2014	Trắc địa	Trắc địa, Bản đồ địa chính, bản đồ học
4	Phạm Thị Ngọc	Kỹ sư, 2015	Hệ thống thông tin đất	Viễn thám, Cơ sở dữ liệu đất đai, Đồ họa ứng dụng, Hệ thống thông tin bất động sản, Tin học ứng dụng vẽ bản đồ, Hệ thống thông tin đất đai
5	Nguyễn Đức Hương, 1986	Kỹ sư, 2013	Tài nguyên nước	Cấp thoát nước
6	Vũ Thanh Biển, 1990	Kỹ sư, 2012	Quản lý đất đai	Đăng ký thống kê đất đai, Thanh tra đất, Tư vấn đầu tư BĐS, Định giá bất động sản, Đàm phán trong kinh doanh bất động sản, Thuế bất động sản, Quản trị bất động sản, Giao đất và thu hồi đất
7	Nguyễn Khắc Việt Ba, 1987	Thạc sỹ,	Quy hoạch đất	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn, Phong thủy trong kinh doanh bất động sản

**Phụ lục 5. Tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Khoa Quản lý  
đất đai giai đoạn 2014-2018**

<b>Nội dung</b>	<b>Năm</b>				
	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>
Số lượng đề tài KH&CN độc lập cấp Nhà nước *	2	1	0	0	0
Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước*	0	0	0	0	0
Nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu theo nghị định thư ký với nước ngoài*	0	0	0	1	1
Đề tài nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng*	0	0	0	0	0
Số lượng đề tài KH&CN cấp Bộ, cấp Bộ trọng điểm*	3	3	2	2	3
Nhiệm vụ KH&CN hỗ trợ công tác quản lý, chỉ đạo ngành*	0	0	0	0	0
Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ*	0	0	0	0	0
Số bài báo, công trình xuất bản trên các tạp chí khoa học trong nước/năm	30	40	50	60	70
Số bài báo, công trình xuất bản trên các tạp chí khoa học nước ngoài/năm	3	5	5	7	6
Số bằng sáng chế, phát minh được cấp/năm	0	0	0	0	0
Số đề tài KH&CN được chuyển giao cho thị trường*	2	3	3	3	3

**Phụ lục 6. Kết quả hợp tác quốc tế của Khoa Quản lý đất đai giai đoạn 2014-2018**

Nội dung	Năm				
	2014	2015	2016	2017	2018
Số lượng văn bản, thỏa thuận, hợp đồng với nước ngoài đã ký kết	0	0	0	2	1
Số lượng cán bộ, giảng viên của Khoa đi đào tạo (dài hạn, ngắn hạn) ở nước ngoài	8	6	5	8	5
Số lượng cán bộ, giảng viên, chuyên gia nước ngoài vào giảng dạy tại Khoa	2	0	0	0	0
Số lượng hội nghị, hội thảo, triển lãm quốc tế do Khoa chủ trì/ phối hợp tổ chức	1	1	0	0	1
Số lượng các dự án quốc tế, dự án tăng cường năng lực, nghiên cứu chuyên giao	1	1	1	1	1

**Phụ lục 7. Phòng học, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy được sử dụng cho chuyên ngành Quản lý Bất động sản**

<b>Diễn giải</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Tổng số</b>
<b>I. Đất đai Học viện quản lý</b>		
- Diện tích	ha	190,20
- Số cơ sở	cơ sở	01
<b>II. Diện tích xây dựng</b>	<b>m<sup>2</sup></b>	<b>58.305,39</b>
<b>1. Phòng học</b>		
- Số phòng	phòng	116
+ Giảng đường Trung tâm (xây dựng mới và được trang bị hiện đại như projector, máy tính, âm thanh, hệ thống điều hoà...)	phòng	33
+ Các giảng đường B, C, D, Nông học, Trại... được trang bị hiện đại như projector, máy tính, âm thanh		83
- Diện tích	m <sup>2</sup>	9.246,04
<b>1.1. Phòng máy tính</b>		
- Số phòng	phòng	20
- Diện tích	m <sup>2</sup>	658,61
<b>1.2. Phòng ngữ âm</b>		
- Số phòng	phòng	5
- Diện tích	m <sup>2</sup>	150
<b>2. Phòng thí nghiệm thực tập</b>		
- Số phòng	phòng	149
- Diện tích	m <sup>2</sup>	6.914,44
<b>3. Phòng thư viện</b>		
- Số phòng	phòng	17
- Diện tích	m <sup>2</sup>	3.741,38
<b>4. Xưởng thực tập</b>	m <sup>2</sup>	835,00
<b>5. Nhà ký túc xá</b>		
- Số phòng	phòng	459
- Diện tích	m <sup>2</sup>	26.204,41
<b>6. Diện tích vườn thí nghiệm</b>	m <sup>2</sup>	134.315,59
<b>7. Diện tích khác</b>		
- Hội Học viện		
+ Diện tích	m <sup>2</sup>	262,00
+ Số phòng	phòng	1
- Câu lạc bộ		
+ Diện tích	m <sup>2</sup>	228,75
+ Số phòng	phòng	4
- Nhà tập TĐTT	m <sup>2</sup>	3.082,6
- Sân vận động	m <sup>2</sup>	18.732,00

**Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy**

Số TT	Loại phòng học	Số lượng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m <sup>2</sup> )		
1	Giảng đường Nguyễn Đăng	22	1500	Máy chiếu Máy tính Thiết bị âm thanh	22 22 22	Các môn học lý thuyết			
2	Giảng đường khu A	12	600	Máy chiếu Máy tính Thiết bị âm thanh	10 10 10	Các môn học lý thuyết			
3	Giảng đường khu B	18	900	Máy chiếu Máy tính Thiết bị âm thanh	18 18 18	Các môn học lý thuyết			
4	Giảng đường khu C	12	600	Máy chiếu Máy tính Thiết bị âm thanh	12 12 6	Các môn học lý thuyết			
5	Giảng đường khu D	7	420			Các môn học lý thuyết			
6	Giảng đường T	6	420	Máy chiếu Máy tính Thiết bị âm thanh	6 6 6	Các môn học lý thuyết			
7	Giảng đường khoa Nông Học	8	560	Máy chiếu Máy tính Thiết bị âm thanh	8 8 6	Các môn học lý thuyết			
8	Phòng học ngoại ngữ	15	1050	Máy chiếu Máy tính Thiết bị âm thanh	15 15 15	Các môn học ngoại ngữ			
9	Phòng tin học đại cương	10	700	Máy chiếu Máy tính Thiết bị âm thanh	10 400 10	Tin học đại cương			
10	Nhà đa năng	1	2800	Máy chiếu Máy tính Thiết bị âm thanh Dụng cụ thể thao	1 1 1 500	Thể dục, giáo dục quốc phòng			

**Phụ lục 8. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành chuyên ngành Quản lý bất động sản**

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng thực hành khoa CNTT	50	Máy tính để bàn	50	Tin học đại cương
2	Phòng thí nghiệm JICA	200	Máy li tâm lạnh	1	Thở nhường đại cương
			Máy li tâm	1	
			Máy lắc	1	
			Máy lắc rây	1	
			Bộ rây	1	
			Máy khuấy	1	
			Máy khuấy từ	2	
			Máy quang phổ hấp phụ nguyên tử	1	
			Chuẩn độ kế	1	
			Máy quang kế ngọn lửa	1	
			Cân điện tử	1	
			Cân điện tử (110V)	1	
			Máy đo pF	1	
			pH meter	1	
			Máy đo độ cứng đất	2	
			Máy đo độ chặt đất	1	
			Ống hút cơ giới	1	
			Bơm chân không	3	
			Tủ sấy	2	
			Tủ hút	2	
			Đầu khoan đất (Boring stick)	1	
Máy đo độ ẩm đất	1				
Máy sắc ký khí	1				
Máy sắc ký ion	1				
Máy đo tốc độ thấm	1				
Máy so màu	1				

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
			Tủ sấy đối lưu	1	
			Máy đo DO cầm tay	1	
			Thiết bị lấy mẫu đất	1	
			Máy đo pH	1	
			Máy đo EC cầm tay	1	
			Máy cất nước	1	
			Máy cất nước siêu sạch	1	
			Bộ cất đạm	1	
			Bộ cất Kuderna-Danish	2	
			Bộ cất đạm tự động	2	
			Lò nung	2	
			3	Phòng thực hành trắc địa	
TOPCOM NT-200	7				
SOUTH DT-02	3				
SOKIA	1				
TOPCOM AT-G7N	3				
SETL ATO-32	5				
GPS-TOPCOM N3T	2				
GPS cầm tay TrimbleGeoXH	1				
GPS – TrimbleR3 N324	2				
GPS cầm tay Etrex-GAMIN	6				
Máy thủy chuẩn H3T	6				
Khoan lấy mẫu đất	2				
4	Phòng thực hành Hệ thống thông tin địa lý	100	Máy tính để bàn	75	Viễn thám, Đồ họa ứng dụng, Cơ sở dữ liệu đất đai, Hệ thống thông tin BDS, hệ thống thông tin đất đai, tin học ứng dụng vẽ bản đồ



Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
5	Phòng thực hành tài nguyên nước	50	Cân kỹ thuật	2	Cấp thoát nước
			Tủ sấy	2	
			Dàn phun mưa	1	
			Dàn nhỏ giọt	1	
			Máy đo lưu tốc	1	
			Máy đo độ ẩm	1	
			Máy lấy mẫu bùn	1	
			Ổng dung trọng	100	
			Vòng thấm	5	
			Thước móc câu	5	
			Khoan lấy mẫu đất	2	
6	Phòng thực hành Quản lý đất đai	25x2	Bàn		Đăng ký thống kê đất đai, Thanh tra đất, Tư vấn đầu tư BĐS, Định giá bất động sản, Đàm phán trong kinh doanh bất động sản, Thuế bất động sản, Quản trị bất động sản, Giao đất và thu hồi đất
			Ghế		
7	Phòng thực hành Quy hoạch đất	25x2	Bàn, ghế		Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn, Phong thủy trong kinh doanh bất động sản

**Phụ lục 9. Danh mục giáo trình ngành Quản lý bất động sản**

<b>TT</b>	<b>Tên giáo trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>	<b>Sử dụng cho môn học/học phần</b>
1	Pháp luật đại cương	Vũ Văn Tuấn	NXB Lao động xã hội	2010	Pháp luật đại cương
2	Thỏ nhượng	Nguyễn Hữu Thành	NXB Nông nghiệp	2017	Thỏ nhượng
3	Trắc địa	Nguyễn Trọng Tuyển	NXB Nông nghiệp	2005	Trắc địa I
4	Viễn thám	Nguyễn Khắc Thời	NXB Nông nghiệp	2012	Viễn thám
5	Hệ thống thông tin địa lý GIS	Trần Thị Băng Tâm	NXB Nông nghiệp	2006	Hệ thống thông tin địa lý
6	Đánh giá đất	Đào Châu Thu, Nguyễn Khang	NXB Nông nghiệp	1998	Đánh giá đất
7	Cấp nước	Nguyễn Văn Tín	NXB Khoa học kỹ thuật	2001	Cấp thoát nước
8	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Nguyễn Thị Vòng Đỗ Văn Nhạ	NXB Nông Nghiệp	2006	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội
9	Quản lý môi trường	Hồ Thị Lam Trà (Chủ biên), Cao Trường Sơn, Lương Đức Anh	ĐH Nông nghiệp Hà Nội	2012	Quản lý môi trường
10	Tin học đại cương	Đỗ Thị Mơ	NXB Nông Nghiệp	2007	Tin học đại cương
11	Xác suất thống kê	Lê Đức Vĩnh, Nguyễn Thị Minh Tâm	NXB Nông Nghiệp	2013	Xác suất thống kê
12	Luật đất đai	Vũ Văn Tuấn	NXB Nông Nghiệp	2010	Luật đất đai
13	Xã hội học đại cương	Lê Ngọc Hùng	NXB Nông Nghiệp	2010	Xã hội học đại cương I
14	Thị trường bất động sản	Nguyễn Thanh Trà	NXB Nông Nghiệp	2006	Thị trường bất động sản

<b>TT</b>	<b>Tên giáo trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>	<b>Sử dụng cho môn học/học phần</b>
15	Thuế bất động sản	Nguyễn Văn Quân, Bùi Nguyên Hạnh	Học viện nông nghiệp	2015	Thuế bất động sản
16	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Phạm Phương Nam; Phan Thị Thanh Huyền	NXB. ĐHNN Hà Nội	2013	Quản lý sàn giao dịch BĐS
17	Bản đồ địa chính	Nguyễn Thanh Trà	NXB Nông Nghiệp	2010	Bản đồ địa chính
18	Quy hoạch sử dụng đất	Vũ Thị Bình. Nguyễn Thị Vòng Nguyễn Quang Học	NXB Nông Nghiệp	2006	Quy hoạch sử dụng đất
19	Quản lý đô thị	Nguyễn Đình Hương, Nguyễn Hữu Đoàn	NXB Thống kê	2003	Quản lý đất đô thị
20	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	PGS.TS. Vũ Thị Bình TS. Nguyễn Quang Học KTS Quyền Thị Lan Phương	NXB Nông Nghiệp	2006	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn
21	Định giá đất	Hồ Thị Lam Trà	NXB Nông Nghiệp	2005	Định giá bất động sản
22	Thanh tra đất	Đỗ Thị Đức Hạnh, Hoàng Anh Đức	NXB Nông nghiệp	2011	Thanh tra đất
23	Bài giảng Quy hoạch cảnh quan	ThS Quyền Thị Lan Phương	NXB. ĐHNN Hà Nội	2013	Quy hoạch cảnh quan
26	Bài giảng Quy hoạch môi trường	PGS.TS. Nguyễn Thị Vòng TS.Đỗ Thị Tâm	NXB. ĐHNN Hà Nội	2013	Quy hoạch môi trường
27	Bài giảng Quy hoạch vùng	PGS.TS Nguyễn Thị Vòng TS. Đỗ Văn Nhạ	NXB. ĐHNN Hà Nội	2013	Quy hoạch vùng
28	Bài giảng Phương pháp lập dự án đầu tư	TS. Nguyễn Quang Học Ths. Nguyễn Tuấn Anh	Học viện nông nghiệp	2015	Phương pháp lập dự án đầu tư

<b>TT</b>	<b>Tên giáo trình</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>	<b>Sử dụng cho môn học/học phần</b>
29	Bài giảng Tham vấn cộng đồng trong Quản lý đất đai	TS. Đỗ Thị Tám	Học viện nông nghiệp	2014	Tham vấn cộng đồng trong Quản lý đất đai
30	Cơ sở dữ liệu đất đai	Lê Thị Giang	NXB Nông nghiệp	2017	Cơ sở dữ liệu đất đai
31	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ	Trần Quốc Vinh	NXB Nông nghiệp	2016	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ

**Phụ lục 10. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí liên quan đến ngành đào tạo**

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Quản lý đất đai và bất động sản đô thị		Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2014	Quản lý nhà nước về đất đai; Quản lý đất và nhà ở đô thị
2	Quản lý đất đai ở Việt Nam	Nguyễn Đình Bông	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2012	Quản lý nhà nước về đất đai, Định giá Bất động sản,
3	Quản lý nhà nước đối với thị trường bất động sản ở Việt Nam	Bùi Văn Huyền, Đinh Thị Nga	Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2011	Quản lý sàn giao dịch BĐS, Định giá bất động sản
4	Phương pháp tiếp cận mới về quy hoạch và quản lý đô thị	Nguyễn Đăng Sơn	Nhà xuất bản Xây dựng, 2005	Quản lý đất và nhà ở đô thị; Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn
5	Đất đô thị và quản lý đất đô thị	Lê Mộng Triết	NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2009	Quản trị bất động sản, Quản lý đất và nhà ở đô thị
6	Tạp chí Khoa học và Phát triển	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	1 năm 6 kỳ	Dùng chung cho các môn học
7	Tạp chí Khoa học đất	Hội Khoa học đất	1 năm 4 kỳ	Dùng chung cho các môn học
8	Tạp chí Khoa học và Phát triển	Học viện Nông nghiệp Việt Nam	1 năm 12 kỳ	Dùng chung cho các môn học
9	Các phương pháp Toán kinh tế	Nguyễn Hải Thanh	NXB ĐH Sư Phạm, 2008	Định giá BĐS, Phát triển TT BĐS
10	Vẽ kỹ thuật	Hoàng Thị Chắt	NXB Nông nghiệp, 2007	Đồ họa ứng dụng
11	Nguyên lý kinh tế	Trần Văn Đức	NXB Nông nghiệp, 2009	Kinh tế BĐS, TT chứng khoán
12	Nguyên lý thống kê kinh tế	Ngô Thị Thuận	NXB Nông nghiệp, 2006	Kinh tế BĐS, TT chứng khoán
13	Phân tích kinh tế dự án đầu tư	Vũ Công Tuấn	NXB Tài chính, 2007	Phát triển TT BĐS, Quản trị BĐS

<b>TT</b>	<b>Tên sách chuyên khảo/tạp chí</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản</b>	<b>Sử dụng cho môn học/học phần</b>
14	Lập và thẩm định hiệu quả tài chính dự án đầu tư	Đình Thế Hiển	NXB Thống kê, 2002	Kinh tế BĐS, Quản trị BĐS
15	Kinh tế tài nguyên	Nguyễn Văn Song	NXB Nông nghiệp, 2009	Kinh tế BĐS
16	Các phương pháp Kinh tế nghiên cứu Tài nguyên và môi trường	Nguyễn Văn Song	NXB Nông nghiệp, 2013	Kinh tế BĐS, Quản trị BĐS, Quản lý sàn giao dịch BĐS
17	Luật Đất đai	Trần Quang Huy	NXB Công an nhân dân, 2013	Luật Đất đai
18	Marketing căn bản	Trần Minh Đạo	NXB ĐHKQTĐ, 2006	Phát triển thị trường bất động sản, Quản trị BĐS, Quản lý sàn giao dịch BĐS
19	Giao tiếp và đàm phán kinh doanh	Đặng Văn Tiến	NXB ĐHKQTĐ, 2010	Đàm phán trong kinh doanh bất động sản, Quản lý sàn giao dịch BĐS,
20	Analysis for Marketing planning/	Donal R. Lehmann	D.Urwin, Inc, 1991	Phát triển thị trường bất động sản, Quản lý sàn giao dịch BĐS

## **Phụ lục 11. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần**

- GT01014. Khiêu vũ thể thao (Dance Sport). (1TC: 1-0-2).** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển của môn Khiêu vũ thể thao. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện khiêu vũ thể thao. Luật khiêu vũ thể thao. Các kỹ thuật cơ bản: thuật ngữ, vũ điệu cha cha cha và rum ba. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.
- GT01015. Bơi (Swimming). (1TC: 1-0-2).** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển của môn Bơi. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện bơi. Luật Bơi. Các kỹ thuật cơ bản: Tư thế thân người, kỹ thuật tay – chân – thở của Bơi ếch. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.
- GT01016. Giáo dục thể chất đại cương (General physical education). (1TC: 0,5-0,5-2).** Sơ lược lịch sử TĐTT. Lý luận và phương pháp GDTC. Các biện pháp phòng ngừa, khắc phục chấn thương trong tập luyện và thi đấu. Kiểm tra và tự kiểm tra y học. Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển môn Điền kinh. Nguyên lý, khái niệm cơ bản của chạy cự li trung bình. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung, phát triển sức bền.
- GT01017. Điền kinh (Athletics). (1TC: 1-0-2).** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển của môn Điền kinh. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Chạy ngắn, nhảy xa. Luật Điền kinh. Nguyên lý, khái niệm cơ bản của kỹ thuật Chạy ngắn, Nhảy xa. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.
- GT01018. Thể dục Aerobic (Aerobic Gymnastics). (1TC: 1-0-2).** Lịch sử phát triển, vị trí, khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của Thể dục Aerobic; Đội hình đội ngũ; 7 bước cơ bản của thể dục Aerobic; Bài tập thể dục Aerobic; Phát triển tố chất sức mạnh, khả năng phối hợp vận động.
- GT01019. Bóng đá (Football). (1TC: 1-0-2).** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển của môn Bóng đá. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng đá. Luật Bóng đá. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, dẫn bóng, chuyền và nhận bóng, sút bóng. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.
- GT01020. Bóng chuyền (Volley ball). (1TC: 1-0-2).** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển của môn Bóng chuyền. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng chuyền. Luật Bóng chuyền. Các kỹ thuật cơ bản: Tư thế chuẩn bị, chuyền bóng cao tay, thấp tay, phát bóng cao tay (nam), thấp tay (nữ), đập bóng, chắn bóng. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.
- GT01021. Bóng rổ (Basketball). (1TC: 1-0-2).** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển của môn Bóng rổ. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Bóng rổ. Luật Bóng rổ. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, dẫn bóng, chuyền và bắt bóng, ném rổ 1 tay trên cao. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.

- GT01022. Cầu lông (Badminton). (ITC: 1-0-2).** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển của môn Cầu lông. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cầu lông. Luật Cầu lông. Các kỹ thuật cơ bản: di chuyển, phát cầu, đánh cầu thấp tay phải, trái, đánh cầu cao tay phải, trái, đánh cầu cao, xa; đập cầu (tay không, có cầu). Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.
- GT01023. Cờ vua (Chess). (ITC: 1-0-2).** Sơ lược lịch sử ra đời và phát triển của môn Cờ vua. Đặc điểm, tác dụng của tập luyện Cờ vua. Luật Cờ vua. Nguyên lý cơ bản chơi Cờ vua trong từng giai đoạn của ván đấu. Phương pháp tổ chức tập luyện, thi đấu. Phát triển thể lực chung và chuyên môn.
- KN01001. Kỹ năng giao tiếp (Communication Skills). (2TC: 2-0-4).** Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng lắng nghe và phản hồi hiệu quả; Kỹ năng thương lượng (đàm phán).
- KN01002. Kỹ năng lãnh đạo (Leadership Skills). (2TC: 2-0-4).** Tổng quan về kỹ năng lãnh đạo; Kỹ năng tạo động lực; Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức; Kỹ năng giao tiếp và đàm phán; Kỹ năng ra quyết định. Cung cấp những kiến thức cơ bản trong lãnh đạo, ra quyết định và cách xử lý tình huống trong công tác lãnh đạo.
- KN01003. Kỹ năng quản lý bản thân (Self Management Skills). (2TC: 2-0-4).** Kỹ năng khám phá bản thân; Kỹ năng kiểm soát cảm xúc; Kỹ năng xác định mục tiêu; Kỹ năng quản lý thời gian hiệu quả.
- KN01004. Kỹ năng tìm kiếm việc làm (Job Search Skills). (2TC: 2-0-4).** Kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm; Kỹ năng chuẩn bị hồ sơ tìm việc; Kỹ năng phỏng vấn tìm việc; Kỹ năng thương lượng về chế độ đãi ngộ; Hòa nhập và phát triển trong môi trường nghề nghiệp.
- KN01005. Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork Skills). (2TC: 2-0-4).** Khái niệm nhóm và làm việc theo nhóm; Các kỹ năng làm việc theo nhóm; Quản lý và điều hành nhóm.
- KN01006. Kỹ năng hội nhập (Intergrated Skills). (2TC: 2-0-4).** Kỹ năng tiếp cận văn hóa thế giới; Kỹ năng giao tiếp, ứng xử và làm việc trong môi trường quốc tế hóa; Kỹ năng làm việc độc lập trong môi trường quốc tế hóa; Kỹ năng hợp tác và liên kết quốc tế; Kỹ năng giải quyết vấn đề trong môi trường quốc tế hóa.
- KQ02106. Marketing căn bản (Basics of Marketing). (3TC: 3-0-6).** Tổng quan về marketing; Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Môi trường marketing; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Phân đoạn và định vị thị trường; Marketing về sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp; Tổ chức bộ máy marketing của doanh nghiệp.
- KT02003 Nguyên lý kinh tế (Principle of Economics) (3TC : 3-0-6)** Những vấn đề cơ bản của kinh tế học ; Những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vi mô ; Những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô. *Học phần học trước : Không*



- KT03099 Kinh tế bất động sản (Real Estate Economics) (2TC: 2- 2 - 0)** Khái quát về kinh tế bất động sản; cầu bất động sản và các yếu tố ảnh hưởng đến cầu bất động sản; cung bất động sản và các yếu tố ảnh hưởng đến cung bất động sản; Quan hệ cung cầu và sự hình thành giá cả trên thị trường bất động sản; Phân tích đầu tư bất động sản. *Học phần học trước : Không*
- ML01005. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology). (2TC: 2-0-4).** Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới. *Học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học*
- ML01007. Xã hội học đại cương 1 (Introduction to Sociology 1). (2TC: 2-0-4).** Quá trình hình thành và phát triển của xã hội học. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học. Cơ cấu xã hội. Hành động xã hội và tương tác xã hội. Vị thế và vai trò xã hội.
- ML01009. Pháp luật đại cương (Introduction to Laws). (2TC: 2-0-4).** Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Kinh tế, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Luật Hành chính và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
- ML01020. Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism) (3TC: 3-0-6).** Học phần gồm 3 chương giúp sinh viên hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin, xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật. Nội dung bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống; chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.
- ML01021. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political economy of Marxism and Leninism) (2TC: 2-0-4).** Học phần gồm 6 chương giúp sinh viên hiểu biết những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Nội dung bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng

xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. *Học trước: Triết học Mác- Lê Nin*

**ML01022. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Socialism) (2TC: 2-0-4).** Học phần gồm 7 chương giúp sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học. Nội dung bao gồm: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. *Học trước: Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin*

**ML01023. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Vietnamese Communist Party History) (2TC: 2-0-4).** Học trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, hệ thống, cốt lõi về : sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ( 1920-1930); quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1975-2018); khẳng định những thành công, hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. *Học trước: Tư tưởng Hồ Chí Minh*

**ML03025. Luật Đất đai (Land Law). (2TC: 2-0-4).** Một số vấn đề cơ bản về ngành Luật Đất đai; Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai; Chế độ pháp lý các loại đất; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất. *Học phần học trước: Không*

**ML02032. Luật xây dựng và nhà ở (Construction and housing Law). (2TC: 1,5-0,5-4).** Giới thiệu một số nội dung cơ bản về pháp luật xây dựng, quy hoạch xây dựng; Quản lý nhà nước về dự án đầu tư xây dựng, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, đấu thầu trong xây dựng; Trách nhiệm quản lý nhà nước về xây dựng, hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng; Chính sách nhà nước về nhà ở, chính sách phát triển nhà ở, quản lý giao dịch về nhà ở; Sở hữu nhà ở, quản lý sử dụng nhà ở, quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà ở và người sử dụng nhà ở. *Học phần học trước: Không*

**ML03044. Luật kinh doanh bất động sản (Law of Real Estate Business). (2TC: 1,5-0,5-4).** Giới thiệu tổng quan pháp luật về kinh doanh bất động sản tại Việt Nam, chính sách của nhà nước đối với đầu tư kinh doanh bất động sản, nguyên tắc kinh doanh bất động sản và các loại bất động sản đưa vào kinh doanh. Một số quy định chung về kinh doanh bất động sản Việt Nam, quy định về kinh doanh bất động sản, quy định chung về kinh doanh dịch vụ bất động sản; Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh bất động sản; Giới thiệu quản lý nhà nước về kinh doanh bất động

sản, các quy định quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. *Học phần học trước: Không*

**QL01015. Cấp thoát nước (Water Supply and Sanitation) (2TC: 2-0-4):** Khái quát chung về hệ thống cấp và thoát nước; Cấp nước bên ngoài công trình; Hệ thống cấp nước lạnh trong nhà; Thoát nước bên ngoài công trình; Hệ thống thoát nước trong nhà.

*Học trước: Không*

**QL02016. Bản đồ địa chính (Cadastral map). (2TC: 1,5 - 0,5 -4):** Khái quát về địa chính và bản đồ địa chính, nội dung bản đồ địa chính; cơ sở toán học của bản đồ địa chính; quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính; trình bày bản đồ địa chính; sử dụng, hiện chỉnh bản đồ địa chính, lưu trữ và quản lý bản đồ địa chính. *Học phần học trước: Trắc địa 1.*

**QL02017. Bản đồ học (Cartography). (2TC: 1,5-0,5-4):** Khái niệm cơ bản về bản đồ học; Cơ sở toán học của bản đồ (Phép chiếu, Tỷ lệ bản đồ, Phân mảnh bản đồ, Hệ tọa độ); Tổ chức thành lập bản đồ và tổng quát hóa bản đồ; Ngôn ngữ bản đồ; Thiết kế, biên tập và thành lập bản đồ; Sử dụng bản đồ và đánh giá chất lượng bản đồ; Ứng dụng công nghệ số trong thành lập bản đồ. *Học phần học trước: Không.*

**QL02019. Hệ thống thông tin địa lý (Geographical Information System). (2TC:2-0-4)** Giới thiệu chung về Hệ thống thông tin địa lý (GIS); Cấu trúc dữ liệu trong GIS; Mô hình số hóa độ cao (DEM); Phân tích dữ liệu trong GIS. *Học trước: Không.*

**QL02022. Cơ sở dữ liệu đất đai (Land DataBase). (2TC:1,5-0,5-4).** Các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu; Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ; Cơ sở dữ liệu đất đai; Ngôn ngữ SQL trong cơ sở dữ liệu đất đai. *Học trước: Không*

**QL02026 Trắc địa 1 (Geodesy 1). ( 2TC: 1,5 – 0,5- 6).** Những kiến thức chung về trắc địa; các mặt đặc trưng trong trắc địa; độ cao; chênh cao; bình đồ, bản đồ; các hệ thống tọa độ; bài toán xác định tọa độ vuông góc phẳng. Phương pháp đo cao; Cấu tạo máy và mia thủy chuẩn; đo cao hạng IV; đo cao lượng giác. Đo vẽ bình đồ: Máy kinh vĩ và toàn đạc điện tử; các phương pháp đo góc, đo khoảng cách. Thiết kế, đo đạc, bình sai lưới khống chế đo vẽ. Đo vẽ chi tiết, thành lập bản đồ. Các phương pháp tính diện tích. *Học trước: Không*

**QL02029. Viễn Thám (Remote Sensing). (2TC: 1,5-0,5-4).** Khái niệm cơ bản về viễn thám; Lý thuyết phản xạ phổ các đối tượng tự nhiên; Giải đoán ảnh viễn thám; Một số ứng dụng của viễn thám trong quản lý tài nguyên đất và môi trường. *Học phần học trước : Không*

**QL02032 Đồ họa ứng dụng (Graphic Design Application ( 2TC: 2 - 0 – 2)** Nắm được tổng quan về kỹ thuật đồ họa: các khái niệm tổng quan của kỹ thuật đồ họa máy tính (Computer Aided Design), các kỹ thuật đồ họa, phần cứng đồ họa (**Graphics Hardware**); Hệ tọa độ và các phép biến đổi trong đồ họa; Phép chiếu trong đồ họa: khái niệm chung, phép chiếu, phép chiếu song song (Parallel Projections), phép chiếu phối cảnh (Perspective Projection); Màu sắc trong đồ họa: ánh sáng và màu

sắc (Light And Color), các hệ màu trong màn hình đồ họa và chuyển đổi giữa các hệ màu; Giới thiệu phần mềm AutoCAD; Thực hành với phần mềm AutoCAD. *Học phần học trước : Không*

**QL02047. Thổ nhưỡng (Pedology). (2TC:1,5-0,5-4).** Các quá trình hình thành đất; các tính chất hóa học của đất; các tính chất vật lý của đất và nước trong đất; một số nhóm đất chính của Việt Nam. *Học phần học trước: Không.*

**QL03014. Đánh giá đất (Land Evaluation). (2TC: 2 - 0 - 4).** Giới thiệu chung về môn học; Đơn vị bản đồ đất đai (LMU); Xác định các loại sử dụng đất đai (LUT); Phân hạng thích hợp đất đai; Đánh giá đất theo FAO ở Việt Nam. *Học phần học trước: Thổ nhưỡng chuyên khoa*

**QL03028. Quản lý nhà nước về đất đai (Land Administration). 2TC(2-0-4)** Cơ sở của quản lý nhà nước về đất đai; Cơ quan quản lý đất đai Việt Nam; Nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Quản lý sử dụng các loại đất. *Học phần học trước: Không*

**QL03029. Thanh tra đất (Land Inspection). (2TC: 2-0-4).** Những quy định chung về thanh tra; Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; Thanh tra đất đai; Xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Giải quyết tranh chấp đất đai. *Học phần học trước: Quản lý nhà nước về đất đai*

**QL03030. Thuế bất động sản (Real Estate Tax) (2TC: 1.5 – 0.5 – 4):** Khái quát về thuế và hệ thống thuế; Hệ thống thuế tài sản một số nước trên thế giới; Hệ thống thuế ở Việt Nam; Thuế bất động sản ở Việt Nam bao gồm thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới bất động sảnQL03031. Phương pháp dự báo trong quy hoạch đất (Forecasting methods in land use planning). (2TC:1,5-0,5-4,0). Tổng quan về dự báo; Các phương pháp dự báo; Bài toán quy hoạch tuyến tính dự báo trong quy hoạch; Ứng dụng mô hình toán trong dự báo sử dụng đất; Mô hình bài toán xác định cơ cấu ngành tối ưu; Mô hình bài toán xác định cơ cấu đất hợp lý; Mô hình bài toán bố trí cây trồng. *Học phần học trước: Không*

**QL03032. Quy hoạch cảnh quan (Landscape Planning). 2TC (1.5LT+0.5BT + 4,0 Tự học).** Khái niệm chung về quy hoạch cảnh quan; Quy hoạch cảnh quan ở Việt Nam và trên thế giới; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và trình tự lập quy hoạch cảnh quan; Các nguyên tắc bố cục quy hoạch cảnh quan; Quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn; Quy hoạch cảnh quan vùng đô thị; Quy hoạch không gian cảnh quan các khu chức năng. *Học phần học trước: Không*

**QL03034 Quy hoạch Môi trường ( Environment planning) (2TC : 1,5-0,5-4).** Những vấn đề cơ bản của quy hoạch môi trường ; Hoạch định môi trường tự nhiên và phân vùng môi trường ; Nội dung quy hoạch môi trường ; Các phương pháp đánh giá trong quy hoạch môi trường ; Sử dụng đất và quy hoạch bảo vệ tài nguyên môi

trường ; Quy hoạch phòng ngừa ô nhiễm môi trường ; quy hoạch phát triển bền vững các ngành kinh tế xã hội. Học phần học trước : Đánh giá tác động môi trường

**QL03039. Quy hoạch Tổng thể phát triển kinh tế xã hội (Master Planning). (3TC: 2-1-6).** Nhập môn quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Giới thiệu quy trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội đã áp dụng trên thế giới và ở Việt Nam. *Học phần học trước: Không*

**QL03041. Thị trường bất động sản (Real estate market). (2TC: 2-0-4).** Bất động sản và thị trường bất động sản; Pháp luật về bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản; Quá trình hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam. *Học phần trước: Định giá bất động sản*

**QL03042. Phương pháp lập dự án đầu tư (Investment project design methods). (2TC: 2-0-4).** Khái niệm, yêu cầu và phân loại đầu tư; Trình tự và các nội dung lập dự án đầu tư; Một số vấn đề và nội dung phân tích tài chính dự án đầu tư; Phân tích kinh tế xã hội với nội dung và mục tiêu và tác động của dự án, các phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế; Đánh giá dự án đầu tư tác động đến môi trường với trình tự và phương pháp xác định; Nội dung, trình tự lập và thẩm định dự án đầu tư nông nghiệp, dự án đầu tư phát triển nông thôn; Quản lý dự án đầu tư. *Học phần học trước: Không*

**QL03046. Hệ thống thông tin bất động sản (Real estate information system). (2TC: 1,5-0,5-4).** Tổng quan về hệ thống thông tin bất động sản; Cơ sở dữ liệu bất động sản; Thiết kế, xây dựng mô hình đăng ký và quản lý thông tin bất động sản; Thiết lập hệ thống thông tin bất động sản dùng công nghệ GIS. *Học trước: Hệ thống thông tin địa lý.*

**QL03050. Tham vấn cộng đồng trong Quản lý đất đai (Community based land management). 2TC (2,0LT).** Khái quát chung về cộng đồng, cơ sở lý thuyết phát triển cộng đồng, cơ sở thực tiễn phát triển cộng đồng, năng lực tự quản trong phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, phương pháp tiếp cận trong phát triển cộng đồng. Các vấn đề văn hóa xã hội trong quản lý đất đai; Nghiên cứu có sự tham gia của cộng đồng trong quy hoạch và quản lý đất đai; Lập kế hoạch quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng; Một số mô hình quy hoạch và quản lý đất đai trên dựa vào cộng đồng. *Học phần học trước: Không*

**QL03073 Định giá bất động sản (Real Estate Valuation). (2TC:1,5-0,5-4).** Bất động sản và thị trường bất động sản; Giá bất động sản và cơ sở khoa học xác định giá bất động sản; Nguyên tắc và phương pháp xác định giá bất động sản; Định giá bất động sản của một số nước trên thế giới; Định giá bất động sản ở Việt Nam.

**QL03074 Quản lý đất đô thị (Urban Land Management) (2TC: 2 - 0 - 4).** Khái quát về quản lý đất và nhà ở đô thị, Nội dung quản lý về đất và nhà ở đô thị; Quản lý đất đô thị và nhà ở trên thế giới và Việt Nam. *Học phần học trước: Không*

- QL03075 Đàm phán trong kinh doanh bất động sản (Negotiations in the real estate business) (2TC: 2 - 1.5 - 0.5). Bộ môn quản lý đất đai.** Tổng quan về đàm phán trong kinh doanh bất động sản; Các kỹ năng đàm phán trong kinh doanh bất động sản; Quy trình đàm phán trong kinh doanh bất động sản; Thực hành đàm phán một thương vụ trong kinh doanh bất động sản. *Học phần học trước: Không*
- QL03077. Quản lý sàn giao dịch bất động sản (Management of Real Estate Trading Floors). (2TC: 2 - 0- 4):** Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý sàn giao dịch bất động sản; Quy trình và kỹ năng môi giới bất động sản; Thủ tục giao dịch đối với một số loại bất động sản thông dụng; Hoàn thiện hệ thống quản lý sàn giao dịch bất động sản ở Việt Nam. *Học phần học trước: Thị trường Bất động sản*
- QL03078 Tư vấn đầu tư bất động sản (Real Estate Investment Consulting). (2TC: 1,5 - 0,5 - 4).** Tổng quan về tư vấn đầu tư bất động sản. Nghiệp vụ tư vấn đầu tư bất động sản cơ bản. *Học phần học trước: Không*
- QL03080 Phong thủy trong kinh doanh bất động sản (Feng-shui in Real estate business) (2TC: 1,5 - 0,5 - 4). Bộ môn quy hoạch đất đai.** Cơ sở khoa học của phong thủy học; phong thủy trong kinh doanh bất động sản; ứng dụng phong thủy trong kinh doanh bất động sản. Một số bài tập ứng dụng. *Học phần học trước: Không*
- QL03087. Quy hoạch sử dụng đất. (Land Use Planning). (2:1,5-0,5-4).** Vai trò của đất trong sự phát triển kinh tế, xã hội; Bản chất của quy hoạch sử dụng đất; Đặc điểm quy hoạch sử dụng đất trên thế giới và Việt Nam; Sự cần thiết và nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện; Những vấn đề chung của quy hoạch sử dụng đất cấp xã; Quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp; Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất.
- QL03088. Đăng ký thống kê đất đai (Land registration and statistic). (2TC:1,5-0,5-4).** Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận; đăng ký biến động về đất và tài sản gắn liền với đất; lập và quản lý hồ sơ địa chính; thống kê đất đai. *Học phần học trước: Quản lý Nhà nước về đất đai.*
- QL03089. Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn (Urban and Rural residential Planning). (2TC: 1.5-0.5-4).** Cơ cấu cư dân trong phạm vi vùng lãnh thổ; Đô thị và quá trình phát triển đô thị; Quy hoạch chung cải tạo và xây dựng đô thị; Quy hoạch xây dựng các khu chức năng trong đô thị; Thiết kế quy hoạch chi tiết đô thị; Điểm dân cư nông thôn và quá trình phát triển; Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn; Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn trên các vùng đặc trưng; Quản lý quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn.
- QL03091. Giao đất, thu hồi đất (Allocation and recovery of land). (3TC: 2-1-6).** Cơ sở lý luận và thực tiễn về giao đất, cho thuê đất; Giao đất, cho thuê đất; Chuyển mục đích sử dụng đất; Thu hồi đất; Tiền sử dụng đất và tiền thuê đất. *Học phần học trước: Luật Đất đai*

- QL03093. Quản trị bất động sản (Real Estate Management). (2TC: 2-0-4).** Cơ sở lý luận về quản trị bất động sản; Nội dung quản trị bất động sản; Hợp đồng quản trị bất động sản; Quản trị bất động sản trên thế giới và tại Việt Nam. *Học phần học trước: không*
- QL03095. Quy hoạch vùng (Regional Planning). (2TC: 1,5-0,5-4).** Quy hoạch vùng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; Khái niệm cơ bản của quy hoạch vùng; Các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam; Cơ sở khoa học và lý luận của quy hoạch vùng; Nội dung cơ bản của quy hoạch vùng; Đặc điểm quy hoạch vùng ở Việt Nam; Thực hành xây dựng chuyên đề.
- QL03097. Hệ thống thông tin đất đai (Land Information System - LIS). (3TC: 2-1-6);** Khái niệm cơ bản về thông tin, hệ thống, hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin đất đai; Quản lý thông tin đất đai; Phân tích thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Tính kinh tế của một hệ thống thông tin đất đai. Hướng dẫn sử dụng phần mềm; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và Khai thác cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai. *Học phần học trước: Hệ thống thông tin địa lý.*
- QL04021 Thực tập nghề nghiệp 1 ngành quản lý bất động sản (Fieldtrips 1 of REM) 10(0-10-20).** Thực tập một số nội dung tại địa phương: đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và bản đồ hiện trạng sử dụng đất, thống kê kiểm kê đất đai, đăng ký đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Ứng dụng phần mềm chuyên ngành trong công tác quản lý đất đai. *Học phần học trước: Quản lý nhà nước về đất đai*
- QL04022 Thực tập nghề nghiệp 2 ngành quản lý bất động sản (Fieldtrips 2 of REM) 10(0-10-20).** Thực tập một số nội dung tại các cơ quan doanh nghiệp như: Định giá bất động sản, Hoạt động môi giới, kinh doanh bất động sản; Công tác đăng ký bất động sản và quản lý hồ sơ bất động sản; Hoạt động đấu giá bất động sản, Quản lý nhà ở... *Học phần học trước: Định giá bất động sản;*
- QL04995 Khóa luận tốt nghiệp ngành quản lý bất động sản (Thesis). (10TC: 0-10-0).** Sinh viên thực hiện một trong các hướng đề tài sau: Các yếu tố ảnh hưởng đến giá bất động sản, tìm hiểu hoạt động sàn giao dịch bất động sản, hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, thực trạng thị trường bất động sản, tình hình quản lý bất động sản, quản lý đất đô thị, quản trị bất động sản. Công tác tài chính liên quan đến bất động sản. Ứng dụng các công nghệ vào quản lý và kinh doanh bất động sản. *Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp 1,2 ngành Quản lý bất động sản*
- QS01011. Đường lối quân sự của Đảng (2TC: 2-0-4).** Nghiên cứu những quan điểm cơ bản có tính chất lý luận của Đảng về đường lối Quốc phòng và an ninh bao gồm: những vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố

quốc phòng, an ninh và một số nội dung cơ bản về nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

**QS01012. Công tác Quốc phòng - An ninh (2TC: 2-0-4).** Nội dung chủ yếu bao gồm: Phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam; Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; Một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; An ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.

**QS01013. Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn (6TC: 1-5-12).** Mô tả vắn tắt nội dung: Trang bị cho sinh viên những vấn đề kỹ năng quân sự cần thiết như: Kỹ thuật bắn súng ngắn; Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; Sử dụng bản đồ quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí CNC; ba môn quân sự phối hợp; Trung đội BB tiến công; Trung đội BB phòng ngự; Đội ngũ Trung đội; Thực hành sử dụng một số loại lựu đạn Việt Nam.

**QS01014. Hiểu biết chung về quân, binh chủng (1TC: 0,5-0,5-2).** Được phân chia theo các nhóm ngành sau:

Sinh viên thuộc nhóm ngành xã hội nhân văn (Sinh viên Khoa lý luận chính trị): Học nội dung: Công tác đảng, công tác chính trị của quân đội và công an.

Sinh viên thuộc nhóm ngành khoa học kỹ thuật (Sinh viên Khoa Cơ điện): Học nội dung về quân, binh chủng tương ứng.

Sinh viên thuộc nhóm ngành kinh tế, nông, lâm, ngư nghiệp, y, dược (Sinh viên các Khoa còn lại): Học nội dung: Hậu cần quân đội và công an.

**SN00010. Tiếng Anh Bổ trợ (An Introduction to CEFR-based Tests). (1TC: 1 – 0 - 2).**

Học phần giới thiệu sơ lược về Chương trình Tiếng Anh cơ bản đối với sinh viên Học viện Nông Nghiệp Việt Nam, giới thiệu cấu trúc và dạng bài trong bài thi năng lực tiếng Anh theo khung tham chiếu châu Âu. Nội dung bài tập của học phần gồm 2 phần: Section A - Grammar and Reading (Ngữ pháp và Đọc hiểu); Section B - Listening (Nghe hiểu); mỗi phần gồm một số bài tập theo các dạng bài có thể xuất hiện trong bài thi năng lực tiếng Anh theo khung tham chiếu châu Âu.

**SN00011. Tiếng Anh 0 (English 0). (2TC: 2 - 0 - 4)** Nội dung học phần gồm các phần thực hành kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết và giới thiệu từ vựng, ngữ pháp gắn với chủ đề bài học: làm quen và giới thiệu bản thân, kể về công việc hàng ngày, cùng đi mua sắm, kể về gia đình. Sinh viên sử dụng vốn từ vựng đã học và cấu trúc ngữ pháp thì hiện tại đơn, “there is/are” và các tính từ sở hữu/ đại từ sở hữu để luyện



các câu giao tiếp, nghe hiểu đoạn hội thoại đơn giản và viết các đoạn ngắn trong tình huống gắn với chủ đề bài học.

**SN01032. Tiếng Anh 1 (English 1). (3TC: 3-0-6).** Getting to know you (làm quen với bạn); The way we live (Phong cách sống); What happened next? (Chuyện gì đã xảy ra tiếp sau đó); The market place (Nơi họp chợ); What do you want to do? (Bạn muốn làm gì?); Places and things (Các địa điểm và sự việc). *Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 0. / Tiếng Pháp 1.*

**SN01033. Tiếng Anh 2 (English 2). (3TC: 3-0-6).** Fame (Danh tiếng); Do's and Don'ts (Những việc nên làm và những việc không nên làm); Going places (đi du lịch và trải nghiệm); Things that changed the world (Những thứ làm thay đổi thế giới); What if...? (Điều gì sẽ xảy ra nếu...); Trying your best (Cố gắng hết sức) *Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1./ Tiếng Pháp 2.*

**SN030... Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý bất động sản (2TC-2-0-4).**

**TH01007. Xác suất -Thống kê (Probability and Statistics). (3TC: 3-0-6).** Phép thử, sự kiện; Xác suất; Biến ngẫu nhiên; Những khái niệm cơ bản mở đầu về thống kê; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thuyết thống kê; Tương quan và hồi quy. *Học phần trước: Giải tích hoặc Toán cao cấp.*

**TH01009. Tin học đại cương (Introduction to informatics). (2TC: 1,5-0,5-4).** Giới thiệu chung về tin học; Cấu trúc máy tính; Phần mềm máy tính và hệ điều hành; Mạng máy tính và Internet; Cơ sở dữ liệu; Thuật toán và ngôn ngữ lập trình; Các vấn đề xã hội của công nghệ thông tin.